KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LÊ ANH VINH (Chủ biên)
VŨ VĂN DƯƠNG – VŨ VĂN LUÂN
NGUYỄN ĐỨC MẠNH – PHÙNG NHƯ THỤY

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN

môn

Toán

Lớp 4



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 1

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000. ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000

1 Hoàn thành bảng sau.

Viết số	Đọc số	Viết số thành tổng
27 125		20 000 + 7 000 + 100 + 20 + 5
82 089		
	năm mươi tư nghìn ba trăm bốn mươi mốt	
		40 000 + 4 000 + 400 + 40
	chín mươi chín nghìn không trăm linh tư	

2 a) Viết các số 62 107, 63 107, 62 701, 61 989 theo thứ tự từ bé đến lớn.



b) Viết các số 29 873, 92 378, 89 723, 98 237 theo thứ tự từ lớn đến bé.



3 Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a) Số liền trước của 29 999 là:

* 28 999 ☐ * 29 998 ☐

b) Làm tròn số 45 872 đến hàng nghìn ta được số:

* 46 000 ☐ * 45 900 ☐

4 Số ?

a) 25 101 | 25 102 | 25 103 | | | |

b) 70 500 | | 72 500 | 73 500 | | |

c) | | | 45 000 | 55 000 | 65 000

5 **Đặt tính rồi tính.**

a) 4 274 + 593 | 61 012 + 11 748 | 88 197 – 6 569 | 73 263 – 31 290

b) 2 315 × 4 | 14 602 × 5 | 913 : 3 | 62 314 : 7

6 **Nối mỗi biểu thức với giá trị của biểu thức đó.**

12 678 – 4 026 × 3	(19 851 + 3 221) : 8	16 874 – (7 563 + 4 911)
61 800 + 11 000 : 5	1 026 × 6 + 39 844	87 360 : 3 : 2

2 884 | 14 560 | 600 | 4 400 | 64 000 | 46 000

7 Một cửa hàng nhập về 14 235 bao thức ăn gia cầm, số bao thức ăn gia súc nhập về giảm đi 3 lần so với số bao thức ăn gia cầm. Hỏi cửa hàng đã nhập về tất cả bao nhiêu bao thức ăn gia cầm và gia súc?

Bài giải

8 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

Tìm số bé nhất và số lớn nhất có năm chữ số mà tổng các chữ số của mỗi số đều bằng 24.

Đáp số: Số bé nhất là .....; số lớn nhất là .....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 2 SỐ CHẴN, SỐ LẺ. BIỂU THỨC CHỨA CHỮ

1 Tô màu xanh vào hộp ghi số chẵn, màu đỏ vào hộp ghi số lẻ.

209	1 793	30 558	49 065	71 812	20 601	5 834
802	91 287	48	10 325	1 006	62 300	5 159

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 45 321, 45 322, 45 323, ..., ..., ...

b) 56 430, 56 432, ..., 56 436, ..., ...

c) 34 135, 34 235, ..., 34 435, ..., ...

d) ....., ..., ..., 78 423, 78 425, 78 427.

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Từ 51 đến 80 có số các số lẻ là:

A. 14 số B. 15 số C. 29 số D. 30 số

b) Từ 60 đến 90 có số các số chẵn là:

A. 14 số B. 15 số C. 16 số D. 30 số

c) Số chẵn lớn nhất có năm chữ số là:

A. 99 998 B. 99 999 C. 99 000 D. 90 000

4 Viết số thích hợp vào ô trống để được phép tính đúng.

a) Lấy số chẵn lớn nhất có bốn chữ số trừ đi số chẵn lớn nhất có ba chữ số.

☐ − ☐ = ☐

b) Lấy số lẻ lớn nhất có ba chữ số khác nhau cộng với số lẻ bé nhất có ba chữ số khác nhau.

☐ + ☐ = ☐

5 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

a)

a	125 + a
25	125 + 25 = 150
283	
5 842	

b)

b	4 560 – b
79	
318	
4 370	

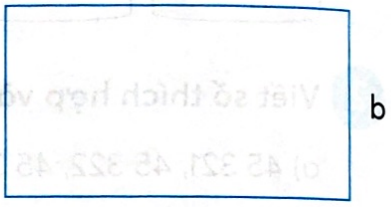
c)

c	c × 5
19	
327	
5 106	

d)

d	d : 3
24	
420	
1 125	

6 Cho hình chữ nhật có chiều dài a, chiều rộng b. Tính chu vi P của hình chữ nhật trong mỗi trường hợp sau.



a) Với a = 9 m, b = 5 m, ta có:

P = ...

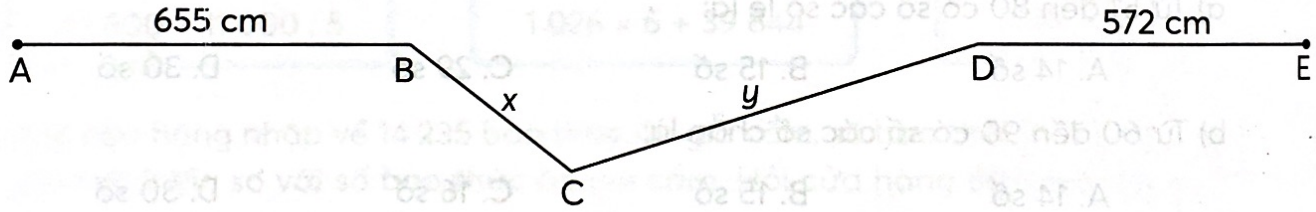
b) Với a = 155 cm, b = 68 cm, ta có:

P = ...

c) Với a = 1 080 mm, b = 430 mm, ta có:

P = ...

7 Tính độ dài các đường gấp khúc, với x = 345 cm, y = 710 cm.



a) Đường gấp khúc ABCD:

.....

b) Đường gấp khúc BCDE:

.....

c) Đường gấp khúc ABCDE:

.....

8 **Tìm số tự nhiên n để biểu thức (2 023 – n) × 8 có giá trị lớn nhất.**

Bài giải

.....

.....

.....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 3

GIẢI BÀI TOÁN CÓ BA BƯỚC TÍNH. LUYỆN TẬP CHUNG. ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC

1 Mẹ đi chợ mua 5 kg gạo tẻ, mỗi ki-lô-gam giá 18 000 đồng và 2 kg gạo nếp, mỗi ki-lô-gam giá 23 000 đồng. Hỏi mẹ mua gạo tẻ và gạo nếp hết tất cả bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 **Đúng ghi Đ, sai ghi S.**

Can thứ nhất có 12 *l* dầu, can thứ hai đựng lượng dầu gấp 3 lần can thứ nhất. Hỏi can thứ hai đựng nhiều hơn can thứ nhất bao nhiêu lít dầu?

* 36 *l* dầu ☐ * 24 *l* dầu ☐

3 Trong một ngày, đội Một làm được 397 sản phẩm, đội Hai làm được ít hơn đội Một 26 sản phẩm. Biết rằng mỗi công nhân trong một ngày làm được 8 sản phẩm. Hỏi trong ngày đó, cả hai đội có bao nhiêu công nhân làm việc?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

a) Trong các số 64 412, 65 371, 56 498, 64 214, số chẵn lớn nhất là:

A. 64 412 B. 65 371 C. 56 498 D. 64 214

b) Làm tròn số 27 546 đến hàng chục nghìn ta được số nào dưới đây?

A. 20 000 B. 27 000 C. 28 000 D. 30 000

c) Số liền sau của số lớn nhất có năm chữ số khác nhau là:

A. 100 000 B. 99 999 C. 98 766 D. 98 765

d) Giá trị của biểu thức 1 210 – 145 : m với m = 5 là:

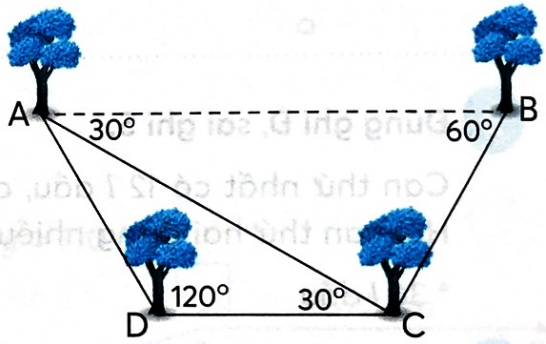
A. 1 065 B. 213 C. 1 181 D. 29

5 **Hoàn thành bảng sau.**

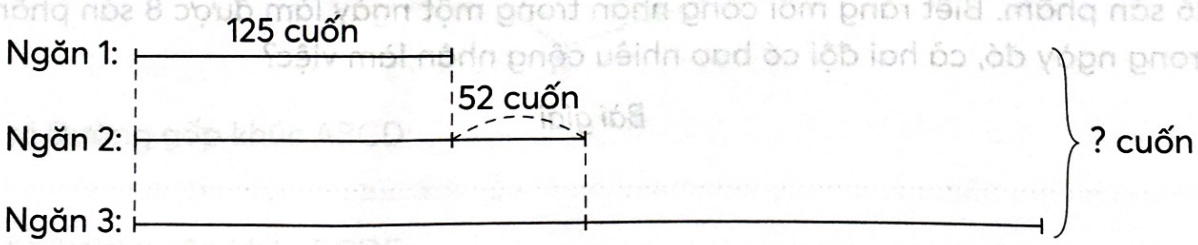
a	b	Giá trị của biểu thức		
		(a – b) × 5	a : 2 + b	a – b × 3
28	7			
142	39			
1 030	215			

6 **Quan sát hình rồi viết số đo thích hợp vào bảng sau.**

Góc	Số đo góc
Góc đỉnh A; cạnh AB, AC	
Góc đỉnh B; cạnh BA, BC	
Góc đỉnh C; cạnh CA, CD	
Góc đỉnh D; cạnh DA, DC	



7 **Giải bài toán theo tóm tắt sau.**



Bài giải

Họ và tên: ..... Lớp: .....

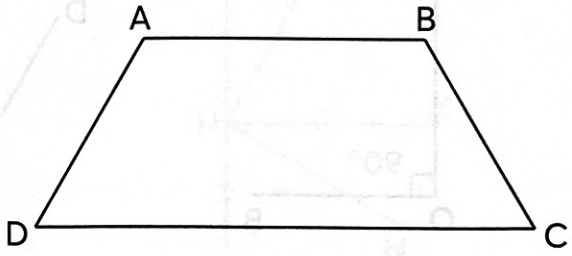


Tuần 4

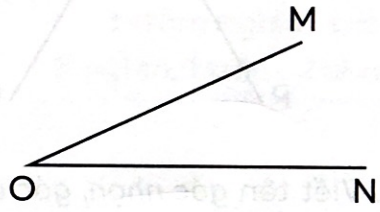
ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC. GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BẸT. LUYỆN TẬP CHUNG

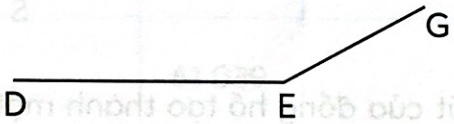
1 Dùng thước đo các góc của hình tứ giác rồi hoàn thành bảng sau.

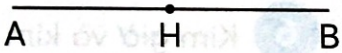
Góc	Số đo góc
Góc đỉnh A; cạnh AB, AD	



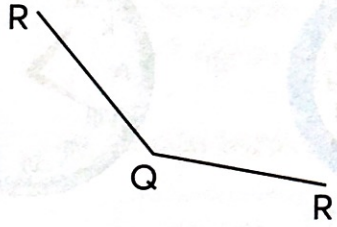
2 Viết tên góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt (theo mẫu).

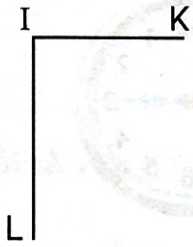


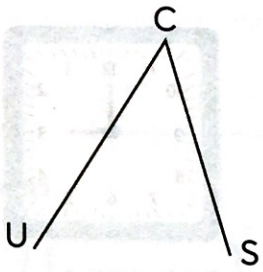




Góc nhọn đỉnh O; cạnh OM, ON ....







....

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

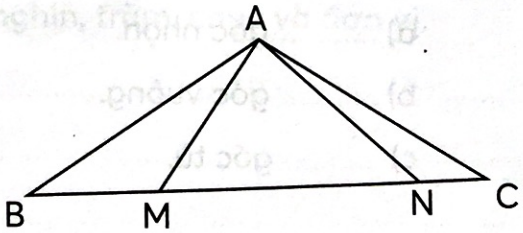
Trong hình vẽ bên:

a) Có số góc nhọn là:

A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

b) Có số góc tù là:

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5



4 **Đúng ghi Đ, sai ghi S.**

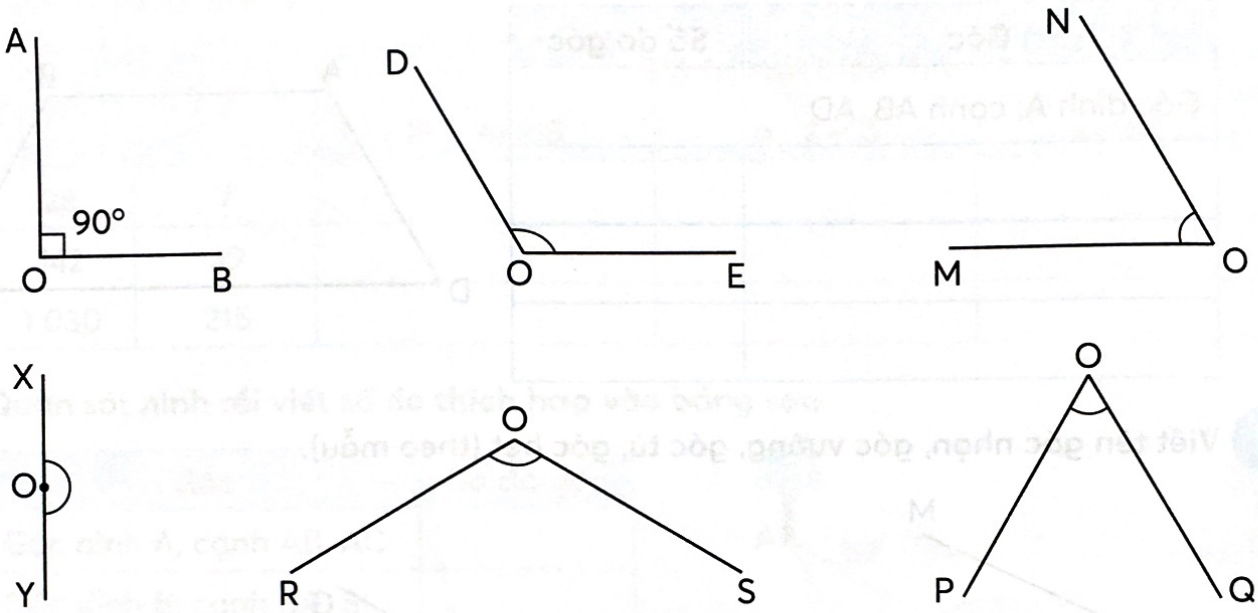
a) Góc nhọn bé hơn góc vuông. ☐

b) Góc tù lớn hơn góc bẹt. ☐

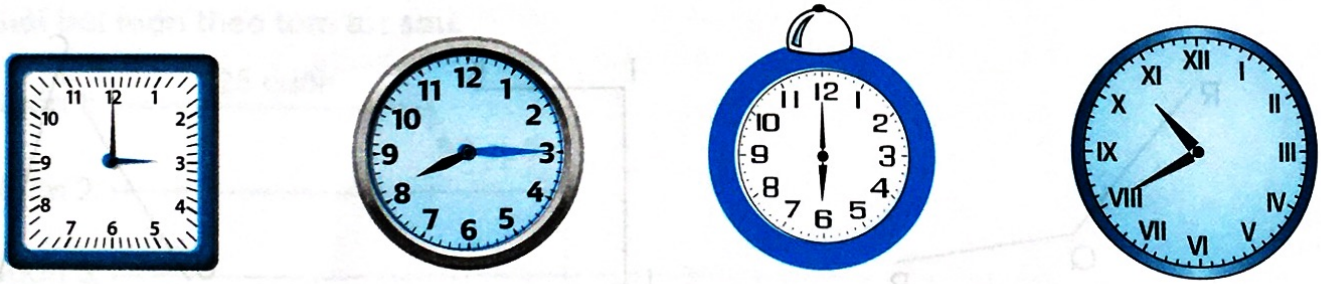
c) Góc bẹt bằng hai lần góc vuông. ☐

d) Góc vuông bằng hai lần góc nhọn. ☐

5 **Đo rồi viết số đo thích hợp vào các góc sau (theo mẫu).**



6 Kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành một góc. Viết tên *góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt* vào chỗ chấm thích hợp dưới mỗi đồng hồ.



....

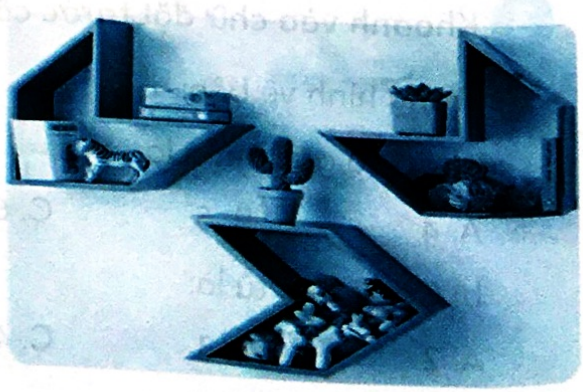
7 **Quan sát tranh rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

Có tất cả:

a) ..... góc nhọn.

b) ..... góc vuông.

c) ..... góc tù.



Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 5

LUYỆN TẬP CHUNG. SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ. SỐ 1 000 000. HÀNG VÀ LỚP

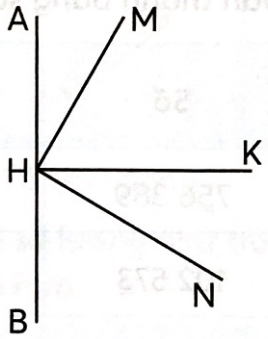
1 **Đo các góc trong hình sau rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

a) Góc đỉnh H; cạnh HM, HK bằng .....

b) Góc đỉnh H; cạnh HK, HB bằng .....

c) Góc đỉnh H; cạnh HM, HN bằng .....

d) Góc đỉnh H; cạnh HN, HB bằng .....



2 **Hoàn thành bảng sau.**

Số gồm	Viết số	Đọc số
3 trăm nghìn, 4 chục nghìn, 8 nghìn, 1 trăm, 2 chục và 6 đơn vị		
	61 039	
		bảy mươi nghìn tám trăm linh năm
1 trăm nghìn, 5 chục nghìn, 7 nghìn và 2 đơn vị		

3 **Viết số liền trước, liền sau của mỗi số vào ô trống cho thích hợp.**

a) | | 125 641 | |

b) | | 1 000 000 |

c) | | 372 089 | |

d) | | 999 999 | |

4 **Viết số thành tổng các trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục và đơn vị.**

a) 723 964 = ...

b) 561 890 = ...

c) 304 258 = ...

d) 116 235 = ...

5 **Đúng ghi Đ, sai ghi S.**

a) Lớp nghìn của số 123 456 gồm các chữ số 1, 2 và 3. ☐

b) Lớp đơn vị của số 359 408 gồm các chữ số 4 và 8. ☐

c) Chữ số 5 ở số 153 879 thuộc hàng nghìn. ☐

d) Chữ số 7 ở số 706 931 thuộc hàng trăm nghìn. ☐

6 **Hoàn thành bảng sau.**

Số	Vị trí của chữ số gạch chân (thuộc hàng nào, lớp nào?)	Giá trị của chữ số gạch chân
7<u>5</u>6 389		
102 57<u>3</u>		
<u>8</u>20 791		
395 <u>4</u>07		
45<u>6</u> 912		
9 3<u>1</u>5		

7 **Số ?**

a) 276 013 → 276 015 → ☐ → 276 019 → ☐ → ☐

a) ☐ → 514 310 → 514 315 → 514 320 → ☐ → ☐

c) ☐ → ☐ → 758 300 → 758 400 → ☐ → 758 600

8 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Bạn Hà viết một số gồm 12 chữ số như sau: 135135135135. Bạn Hà đã thực hiện hai lần, mỗi lần gạch bớt đi 6 chữ số của số đó để được số có sáu chữ số lớn nhất và bé nhất có thể.

a) Số lớn nhất là .....

b) Số bé nhất là .....

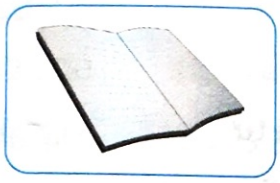
Họ và tên: ..... Lớp: .....



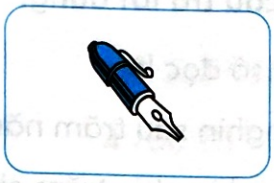
Tuần 6

HÀNG VÀ LỚP. CÁC SỐ TRONG PHẠM VI LỚP TRIỆU. LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN

1 Cho biết giá của một số đồ dùng như sau:



5 000 đồng



10 000 đồng



3 000 đồng

Ba bạn Hồng, Hoa và Hương đã mua các đồ dùng đó với số lượng như trong bảng. Em hãy tính rồi viết số tiền mà mỗi bạn phải trả cho thích hợp.

Tên bạn	Vở (quyển)	Bút mực (cái)	Bút chì (cái)	Số tiền phải trả
Hồng	5	1	2	
Hoa	3	2	1	
Hương	6	1	3	

2 Viết vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Số gồm: 5 trăm triệu, 2 chục triệu, 3 triệu, 4 trăm nghìn, 6 chục nghìn, 7 trăm và 9 đơn vị

Viết là: ..... Đọc là: .....

.....

b) Số gồm: 7 trăm triệu, 3 triệu, 4 trăm nghìn, 5 chục nghìn, 8 nghìn, 2 trăm và 5 đơn vị

Viết là: ..... Đọc là: .....

.....

3 Hoàn thành bảng sau.

Số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Trăm triệu	Chục triệu	Triệu	Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
297 564 180									
305 821 496									
5 994 331									
888 304 265									
67 923 007									

4 **Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu).**

Mẫu: 130 765 582 = 100 000 000 + 30 000 000 + 700 000 + 60 000 + 5 000 + 500 + 80 + 2

a) 2 861 793 = ...

b) 530 992 468 = ...

c) 71 402 356 = ...

5 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

Số chẵn lớn nhất có sáu chữ số đọc là:

A. Chín trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi tư

B. Chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi

C. Chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám

D. Chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín

6 Chữ số được gạch chân của mỗi số cho trong bảng dưới đây thuộc hàng nào, lớp nào, có giá trị là bao nhiêu? Em hãy hoàn thành bảng dưới đây.

Số	2<u>4</u> 167 280	<u>5</u>86 135 904	3<u>2</u>0 967 348	72 0<u>7</u>9 135	941 625 <u>3</u>16
Hàng					
Lớp					
Giá trị					

7 Hãy làm tròn số dân của mỗi tỉnh đến hàng trăm nghìn, chục nghìn rồi viết vào bảng dưới đây (số liệu năm 2022, nguồn Wikipedia).

Tên tỉnh	Số dân (người)	Làm tròn đến hàng trăm nghìn	Làm tròn đến hàng chục nghìn
Bắc Giang	1 858 540		
Bắc Ninh	1 450 518		
Bến tre	1 295 067		
An Giang	1 864 651		
Bạc Liêu	917 734		

8 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

Tìm số liền trước của a, biết a kém số lớn nhất có năm chữ số khác nhau lập bởi các chữ số 3, 0, 5, 8, 1 là 1 đơn vị.

Số cần tìm là: .....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 7

SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ. LÀM QUEN VỚI DÃY SỐ TỰ NHIÊN. LUYỆN TẬP CHUNG

1 **>, <, =** ?

a) 65 312 900 ☐ 310 124 576 129 543 984 ☐ 988 677

38 276 341 ☐ 38 275 648 4 700 111 ☐ 4 070 111

b) 250 084 675 ☐ 200 000 000 + 50 000 000 + 80 000 + 4 000 + 600 + 70 + 5

503 610 400 ☐ 500 000 000 + 30 000 000 + 600 000 + 10 000 + 400

2 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

a) Số nào lớn nhất trong các số dưới đây?

A. 354 638 711 B. 345 386 177

C. 354 130 067 D. 54 899 376

b) Số nào bé nhất trong các số dưới đây?

A. 621 355 872 B. 621 535 782

C. 621 335 409 D. 622 333 145

c) Số nào dưới đây lớn hơn số 235 150 978?

A. 235 150 897 B. 235 149 789

C. 234 007 978 D. 235 210 361

d) Số nào dưới đây bé hơn số 782 103 255?

A. 782 113 200 B. 782 009 826

C. 783 114 800 D. 782 103 335

3 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Bạn Liên lập các số có chín chữ số từ các thẻ số dưới đây:



a) Số bé nhất lập được là ....., số lớn nhất lập được là .....

b) Các số lập được lớn hơn 965 431 112 là:

.....

4 **Đúng ghi Đ, sai ghi S.**

a) Dãy số 0, 2, 4, 6, 8, 10,... là dãy số tự nhiên. ☐

b) Dãy số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6,... là dãy số tự nhiên. ☐

c) Trong dãy số tự nhiên, số bé nhất là 1. ☐

d) Hai số tự nhiên liền nhau hơn kém nhau 1 đơn vị. ☐

5 **Viết số thích hợp vào ô trống để được bốn số tự nhiên liên tiếp.**

a) | 1 023 | 1 024 | | |

b) | 36 251 | | 36 253 | |

c) | | | 44 552 | 44 553 |

6 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

a) 2 021, 2 022, 2 023, 2 024, ..., ..., ..., ...

b) 550, 555, 560, 565, ..., ..., ..., ...

c) 131, 133, 135, 137, ..., ..., ..., ...

d) 12 000 000, 13 000 000, 14 000 000, ..., ..., ...

7 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

Số tiền bán hàng cửa hàng thu được trong ba ngày đầu tuần là 4 260 000 đồng, 5 015 000 đồng và 4 620 000 đồng. Biết thứ Ba thu được nhiều tiền nhất và thứ Tư thu được số tiền ít hơn thứ Hai.

a) Thứ Hai thu được ..... đồng.

b) Thứ Ba thu được ..... đồng.

c) Thứ Tư thu được ..... đồng.

8 **Viết chữ số thích hợp vào ô trống.**

a) 214 365 487 > 2☐9 861 389

b) 6☐2 300 084 = 602 300 084

c) 591 378 682 < 591 37☐194

d) 11☐000 644 > 118 772 000

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 8 LUYỆN TẬP CHUNG. YẾN, TẠ, TẤN

1 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

678 924 355 | 786 824 533 | 678 294 555 | 98 877 333

a) Trong các số trên, số lớn nhất là ....., số bé nhất là .....

b) Các số trên viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

.....

2 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

a) 3 000 100, 3 000 200, 3 000 300, ..., ..., ...

b) 12 000 000, 13 000 000, ..., 15 000 000, ..., ...

c) ....., ..., 230 000 000, 240 000 000, 250 000 000.

3 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

Cho số 543 678 291.

a) Chữ số 3 trong số đó thuộc hàng nào, lớp nào?

A. Hàng chục triệu, lớp triệu
B. Hàng triệu, lớp nghìn
C. Hàng triệu, lớp triệu
D. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn

b) Giá trị của chữ số 4 trong số đó là bao nhiêu?

A. 40 000
B. 4 000 000
C. 40 000 000
D. 400 000 000

c) Làm tròn số đó đến hàng trăm nghìn, ta được số:

A. 543 000 000
B. 543 700 000
C. 543 600 000
D. 543 680 000

d) Số liền trước của số đó là:

A. 543 678 290
B. 544 678 291
C. 543 678 291
D. 544 679 291

4 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

a) 5 yến = ... kg
50 kg = ... yến

2 tạ = ... yến = ... kg
200 kg = ... yến = ... tạ

b) 1 tấn 24 kg = ... kg
3 tạ 9 kg = ... kg

4 tấn 6 tạ = ... tạ
6 tạ 2 yến = ... yến

5 **Đúng ghi Đ, sai ghi S.**

a) Con gà cân nặng khoảng:

* 2 kg ☐ * 20 kg ☐

b) Con bò cân nặng khoảng:

* 3 tấn ☐ * 3 tạ ☐

c) Bạn Nam cân nặng khoảng:

* 3 yến ☐ * 3 kg ☐

6 **Viết số đo thích hợp vào ô trống.**

a) 105 yến → (+ 68 yến) → ☐

b) 104 tạ → (– 75 tạ) → ☐

c) 102 tấn → (× 5) → ☐

d) 62 700 tạ → (: 3) → ☐

7 Mỗi bao xi măng nặng 5 yến, mỗi xe tải chở được 70 bao xi măng. Hỏi 8 xe tải như vậy chở được tất cả bao nhiêu tấn xi măng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

8 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

Minh viết một số ra giấy rồi cho biết nếu số đó làm tròn đến hàng chục nghìn thì được 2 850 000 và lớp đơn vị có ba chữ số khác nhau. Biết Minh đã viết một trong bốn số dưới đây, hỏi Minh đã viết số nào?

A. 2 849 552 B. 2 846 507 C. 2 847 131 D. 2 751 964

Họ và tên: ..... Lớp: .....



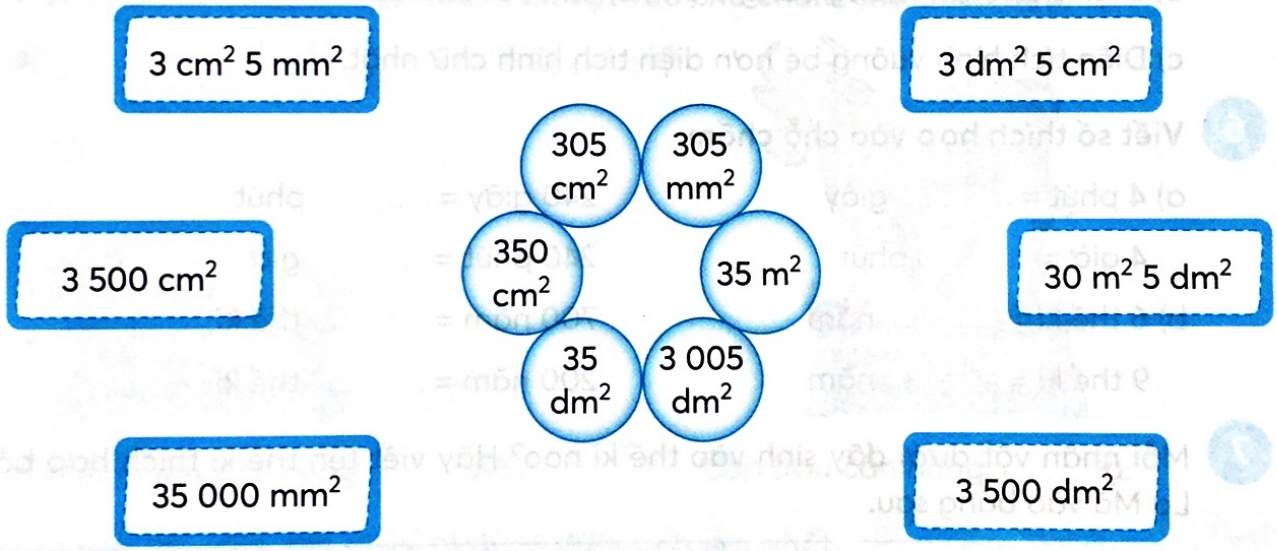
Tuần 9

ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG, MÉT VUÔNG, MI-LI-MÉT VUÔNG. GIÂY, THẾ KỈ

1 Hoàn thành bảng sau.

Đọc	Viết
Tám mươi mốt đề-xi-mét vuông	
	524 m^2
Một nghìn ba trăm linh năm mi-li-mét vuông	
	9 888 dm^2
Ba trăm sáu mươi nghìn mét vuông	
	208 034 mm^2

2 Nối hai số đo bằng nhau.



3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5 dm^2 = ... cm^2

4 m^2 = ... dm^2

6 cm^2 = ... mm^2

b) 2 dm^2 8 cm^2 = ... cm^2

3 m^2 40 dm^2 = ... dm^2

7 cm^2 50 mm^2 = ... mm^2

500 cm^2 = ... dm^2

800 dm^2 = ... m^2

700 mm^2 = ... cm^2

23 dm^2 12 cm^2 = ... cm^2

12 m^2 9 dm^2 = ... dm^2

31 cm^2 5 mm^2 = ... mm^2

4 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

a) Lớp học của Minh có dạng hình vuông cạnh 7 m. Hỏi diện tích lớp học của Minh bằng bao nhiêu đề-xi-mét vuông?

A. 49 dm^2 B. 490 dm^2 C. 4 900 dm^2 D. 49 000 dm^2

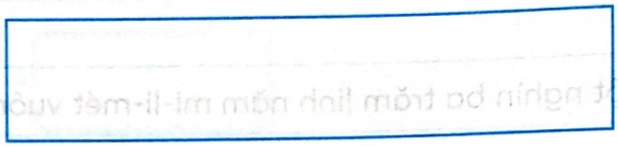
b) Vân làm một chiếc thiệp dạng hình chữ nhật có chiều dài 2 dm, chiều rộng 8 cm. Hỏi diện tích tấm thiệp đó là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

A. 16 cm^2 B. 28 cm^2 C. 160 cm^2 D. 208 cm^2

5 **Đúng ghi Đ, sai ghi S.**



5 m



20 dm

100 dm

a) Diện tích hình vuông lớn hơn diện tích hình chữ nhật. ☐

b) Diện tích hình vuông bằng diện tích hình chữ nhật. ☐

c) Diện tích hình vuông bé hơn diện tích hình chữ nhật. ☐

6 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

a) 4 phút = ... giây 240 giây = ... phút

4 giờ = ... phút 240 phút = ... giờ

b) 6 thế kỉ = ... năm 700 năm = ... thế kỉ

9 thế kỉ = ... năm 200 năm = ... thế kỉ

7 Mỗi nhân vật dưới đây sinh vào thế kỉ nào? Hãy viết tên thế kỉ thích hợp bằng số La Mã vào bảng sau.

Tên	Nhà sử học Lê Văn Hưu	Thái sư Trần Thủ Độ	Bác học Phan Huy Chú	Đại tướng Nguyễn Chí Thanh
Năm sinh	1230	1194	1782	1914
Thuộc thế kỉ				

8 **Đố vui!**

Chú Tư sinh trước 1 tuần so với ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong năm cuối cùng của thế kỉ XX. Vậy chú Tư sinh vào ngày, tháng, năm nào?

Đáp số: .....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 10

GIÂY, THẾ KỈ. THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG. LUYỆN TẬP CHUNG

1 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

a) 4 ngày = ... giờ

5 giờ = ... phút

b) 7 tuần = ... ngày

35 ngày = ... tuần

2 ngày 3 giờ = ... giờ

5 giờ 20 phút = ... phút

8 phút 18 giây = ... giây

3 tuần 1 ngày = ... ngày

2 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

a) Bác Hồ sinh năm 1890, năm đó thuộc thế kỉ ..... Tính từ năm đó đến nay được ..... năm.

b) Giải phóng miền Nam vào năm 1975, năm đó thuộc thế kỉ ..... Tính từ năm đó đến nay được ..... năm.

3 **Viết số đo của mỗi đồ vật hoặc con vật vào chỗ chấm cho thích hợp.**

a)



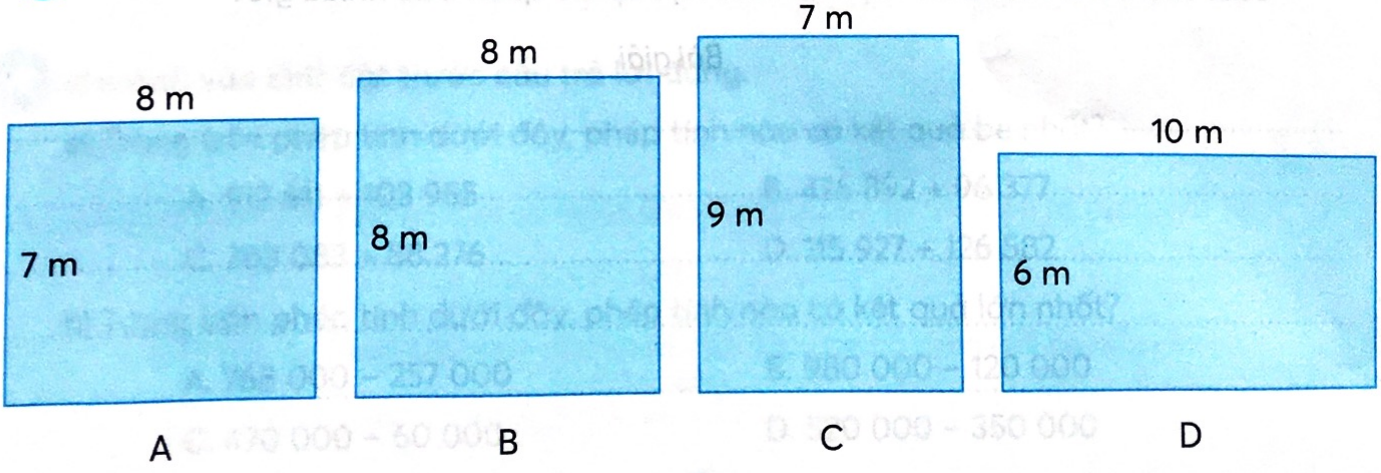
Bao xi măng cân nặng ..... yến.

b)

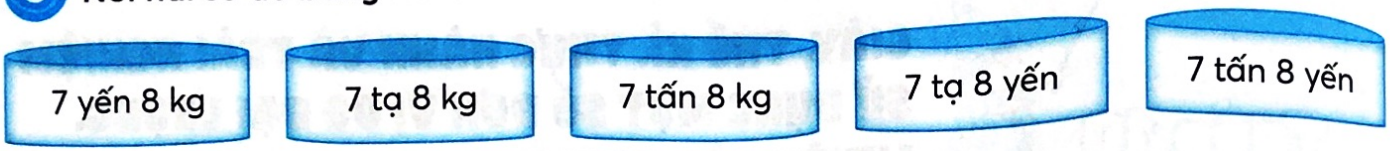


Con trâu cân nặng ..... tạ.

4 **Khoanh vào chữ đặt dưới hình có diện tích lớn nhất.**



5 **Nối hai số đo bằng nhau.**





6 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

a) $7\ cm^2$ = ... mm^2

$5\ dm^2$ = ... cm^2

$9\ m^2$ = ... dm^2

b) $8\ cm^2\ 2\ mm^2$ = ... mm^2

$4\ dm^2\ 12\ cm^2$ = ... cm^2

$10\ m^2\ 11\ dm^2$ = ... dm^2

7 Bác Tú có hai mảnh đất, bác trồng lạc trên mảnh đất thứ nhất thu hoạch được 180 kg lạc củ. Mảnh đất thứ hai bác Tú trồng đỗ đen, số ki-lô-gam đỗ đen thu hoạch được bằng một nửa số ki-lô-gam lạc củ. Hỏi bác Tú thu hoạch được tất cả bao nhiêu yến lạc và đỗ đen?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

8 Mẹ Hoa làm việc tại cơ quan 8 giờ mỗi ngày. Mỗi tuần mẹ Hoa được nghỉ 2 ngày cuối tuần. Hỏi mỗi tuần mẹ Hoa làm việc tại cơ quan bao nhiêu giờ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 11

LUYỆN TẬP CHUNG. PHÉP CỘNG CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ. PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

1 **Đúng ghi Đ, sai ghi S.**

a) Bạn Việt cân nặng khoảng:

* 35 kg ☐ * 35 g ☐

b) Chai nước khoáng cân nặng khoảng:

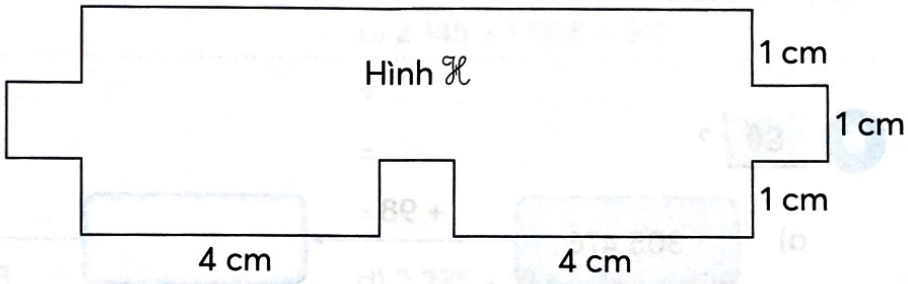
* 500 kg ☐ * 500 g ☐

c) Con lợn mẹ cân nặng khoảng:

* 2 yến ☐ * 2 tạ ☐

2 **Viết số đo thích hợp vào chỗ chấm.**

Diện tích hình $\mathcal{H}$ là .....



3 **Đặt tính rồi tính.**

a) 215 674 + 76 981 | 623 109 + 230 587 | 378 426 + 511 602

b) 534 694 – 63 431 | 892 761 – 613 504 | 774 105 – 241 893

4 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

a) Trong bốn phép tính dưới đây, phép tính nào có kết quả bé nhất?

A. 512 611 + 103 955 B. 476 892 + 96 377

C. 703 083 + 88 276 D. 115 927 + 126 582

b) Trong bốn phép tính dưới đây, phép tính nào có kết quả lớn nhất?

A. 768 000 – 257 000 B. 980 000 – 120 000

C. 470 000 – 60 000 D. 520 000 – 350 000

c) Phép tính nào dưới đây có kết quả bằng 234 146?

A. 123 504 + 110 542 B. 201 354 + 32 792

C. 312 710 – 78 664 D. 339 756 – 105 600

5 Cô Lan vào cửa hàng bách hoá, mua một thùng mì tôm hết 125 000 đồng, một chai dầu ăn hết 102 000 đồng và một chai nước mắm hết 46 000 đồng. Cô đưa cho bác bán hàng 2 tờ tiền mệnh giá 200 000 đồng. Hỏi bác bán hàng phải trả lại cho cô Lan bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6 **Số** ?

a) 305 476 → (+ 98) → ☐ → (– 112) → ☐

b) ☐ → (+ 135 761) → ☐ → (– 74 548) → 202 196

c) 202 196 → (+ 135 761) → ☐ → (– ☐) → 283 788

7 **Viết chữ số thích hợp vào ô trống.**

a)
$$\begin{array}{r} 3\square 24\square 8 \\ +\ \ 6\square\square 5\square \\ \hline \square 30762 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} \square 89\square 24 \\ -\ \ 28\square 63\square \\ \hline 3\square 61\square 6 \end{array}$$

8 **Viết phép tính thích hợp.**

a) Tổng của số bé nhất có sáu chữ số khác nhau và số tròn trăm lớn nhất có bốn chữ số.

.....

b) Hiệu của số lớn nhất có sáu chữ số khác nhau và số bé nhất có sáu chữ số.

.....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG. TÌM HAI SỐ BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ

1 Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 246 + 1 572 = 1 572 + ...

61 005 + 978 = ... + 61 005

b) (456 + 78) + 819 = ... + (78 + 819)

(2 345 + 189) + 7 164 = 2 345 + (..... + 7 164)

m + n + p = (m + ...) + p = ... + (n + p)

m + n = ... + m

m + 0 = 0 + ... = ...

2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 597 + 134 + 203

= .....

= .....

= .....

b) 2 145 + 1 088 + 912

= .....

= .....

= .....

c) 132 + 1 914 + 86 + 68

= .....

= .....

= .....

d) 2 235 + 172 + 765 + 328

= .....

= .....

= .....

3 >, <, = ?

a) 9 875 + 1 234 ☐ 1 235 + 9 875

b) 10 384 + 2 039 ☐ 2 039 + 10 384

c) 19 381 + 7 206 ☐ 7 106 + 19 381

d) 22 077 + 500 ☐ 523 + 22 077

e) 243 + 567 + 1 193 ☐ 243 + (567 + 1 100)

4 Đúng ghi Đ, sai ghi S.

Cho m = 1 985, n = 763, p = 126.

a) Giá trị của biểu thức m + n là 2 748. ☐

b) Giá trị của biểu thức n + m là 2 648. ☐

c) Giá trị của biểu thức (m + n) + p là 2 874. ☐

d) Giá trị của biểu thức m + (n + p) là 2 774. ☐

5 Khối lớp 4 và khối lớp 5 quyên góp được tất cả 7 tạ giấy loại, trong đó khối lớp 4 quyên góp được nhiều hơn khối lớp 5 là 28 kg. Hỏi mỗi khối lớp quyên góp được bao nhiêu ki-lô-gam giấy loại?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6 **Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).**

Tổng của hai số	50	220	984	2 023	3 900	10 000
Hiệu của hai số	10	48	116	235	1 234	2 000
Số bé	20					
Số lớn	30					

7 Một hình chữ nhật có chu vi là 8 dm, chiều rộng kém chiều dài 24 cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

8 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

Hai năm trước, tổng số tuổi của hai mẹ con là 45 tuổi. Biết mẹ sinh con năm 29 tuổi. Vậy hiện nay con ..... tuổi, mẹ ..... tuổi.

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 13

LUYỆN TẬP CHUNG. HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

1 Đặt tính rồi tính.

76 187 + 18 092	267 179 + 908 218
871 669 – 180 289	2 781 996 – 1 290 567

2 Nam và Việt cùng nhau làm được 76 cái chong chóng. Nam làm được nhiều hơn Việt 6 cái chong chóng. Hỏi mỗi bạn làm được bao nhiêu cái chong chóng?

Bài giải

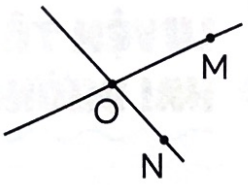
3 Chú Sáu mở hai cửa hàng bán quạt. Năm vừa rồi hai cửa hàng bán được tổng cộng 175 cái quạt. Cửa hàng thứ hai bán được ít hơn cửa hàng thứ nhất 15 cái quạt. Hỏi mỗi cửa hàng bán được bao nhiêu cái quạt?

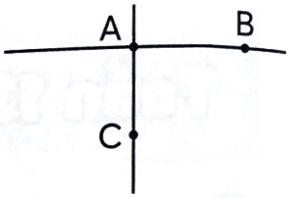
Bài giải

4 **Dùng ê ke để kiểm tra hai đường thẳng có vuông góc nhau hay không rồi viết tiếp vào chỗ chấm.**

– Hai đường thẳng ..... và ..... vuông góc với nhau.

– Hai đường thẳng ..... và ..... không vuông góc với nhau.



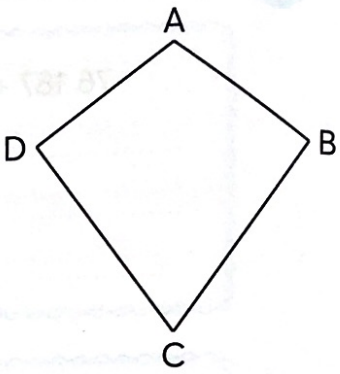


5 **Dùng ê ke để kiểm tra góc vuông trong hình vẽ bên rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Các cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau trong hình vẽ bên là:

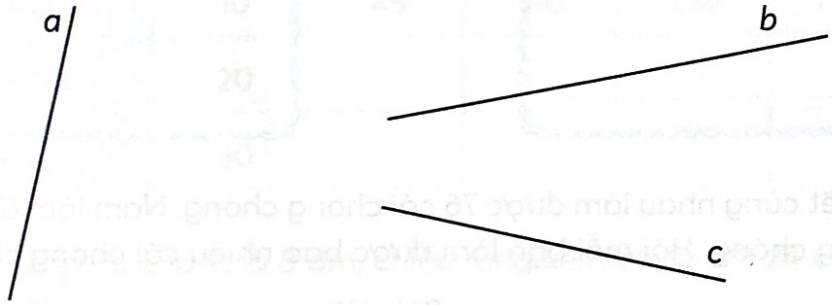
.....

.....



6 **Đ, S ?**

Kéo dài các đường thẳng dưới đây cho cắt nhau rồi dùng ê ke để kiểm tra góc vuông.



a) Đường thẳng *a* vuông góc với đường thẳng *b*. ☐

b) Đường thẳng *b* vuông góc với đường thẳng *c*. ☐

c) Đường thẳng *a* vuông góc với đường thẳng *c*. ☐

7 **Viết một dấu cộng vào giữa các thẻ số để được phép tính đúng.**

1	7	0	8	9	2	1	9	=	1	0	9	2	7

8 **Việt dùng các thẻ số xếp thành phép tính như hình dưới đây.**

1	3	7	4	5	–	9	7	2	=	3	0	7	7	3

Nam đã đổi chỗ hai tấm thẻ để được phép tính đúng. Viết số thích hợp vào các thẻ số dưới đây để thể hiện phép tính đúng đó.

☐	☐	☐	☐	☐	–	☐	☐	☐	=	☐	☐	☐	☐	☐

Họ và tên: ..... Lớp: .....

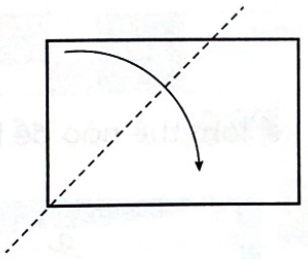


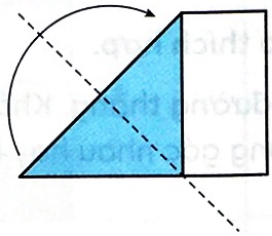
Tuần 14

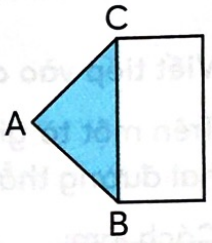
THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC. HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG. THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

1 **Đúng ghi Đ, sai ghi S.**

Mai gấp một tờ giấy như hình dưới đây. Hãy sử dụng ê ke để kiểm tra xem góc đỉnh A; cạnh AC, AB có phải là góc vuông hay không.



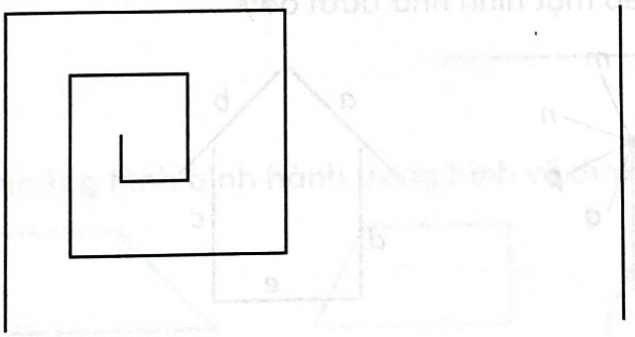




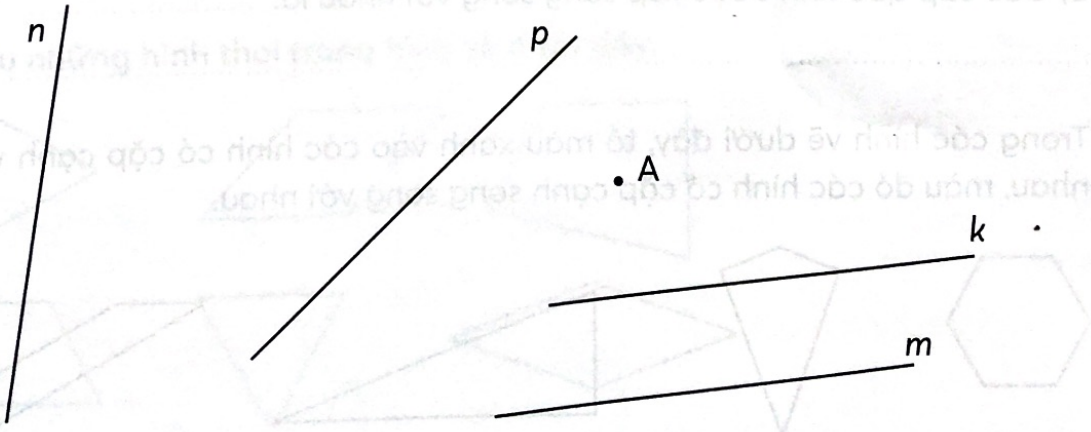
a) Góc đỉnh A; cạnh AC, AB là góc vuông. ☐

b) Góc đỉnh A; cạnh AC, AB không phải là góc vuông. ☐

2 **Vẽ các đường vuông góc theo mẫu.**

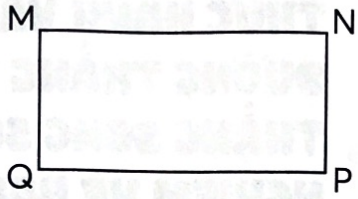


3 **Vẽ các đường thẳng đi qua A vuông góc với các đường thẳng đã cho trong hình dưới đây.**



4 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Cho hình chữ nhật MNPQ.



a) Các cặp cạnh song song với nhau có trong hình chữ nhật trên là:

.....

b) Các cặp cạnh vuông góc với nhau có trong hình chữ nhật trên là:

.....

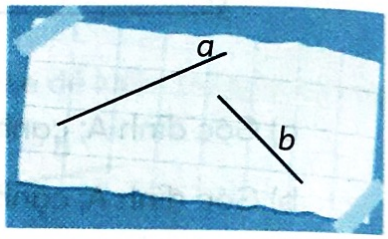
5 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Trên một tờ giấy có vẽ hai đường thẳng. Không dùng ê ke, làm thế nào để kiểm tra hai đường thẳng đó có vuông góc nhau hay không?

Cách làm: .....

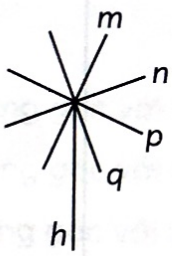
.....

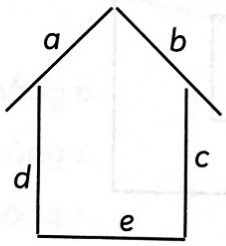
.....



6 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Rô-bốt dùng que tính để xếp một hình như dưới đây.





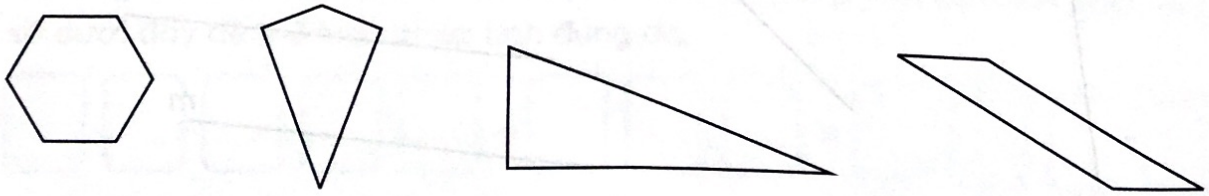
a) Các cặp que tính được xếp vuông góc với nhau là: .....

.....

b) Các cặp que tính được xếp song song với nhau là: .....

.....

7 Trong các hình vẽ dưới đây, tô màu xanh vào các hình có cặp cạnh vuông góc với nhau, màu đỏ các hình có cặp cạnh song song với nhau.



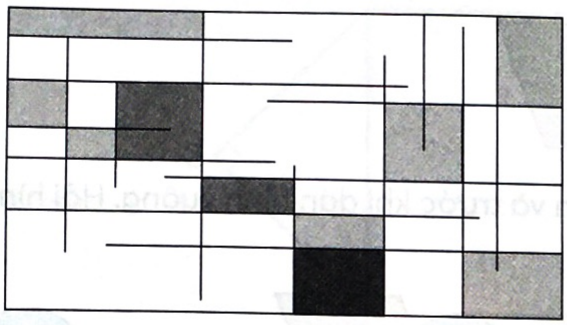
Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 15

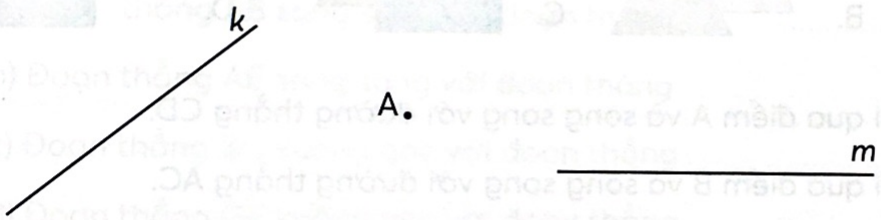
THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG. HÌNH BÌNH HÀNH, HÌNH THOI. LUYỆN TẬP CHUNG

1 Vẽ các đường thẳng song song và các đường thẳng vuông góc với cạnh của bức tranh. Sau đó tô màu một số hình vuông hoặc hình chữ nhật nhận được để được một bức tranh trang trí (theo mẫu).

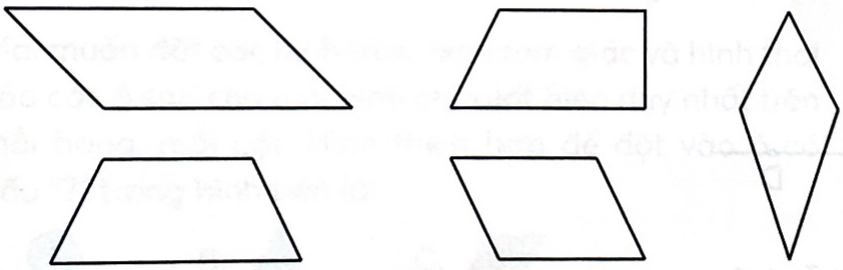




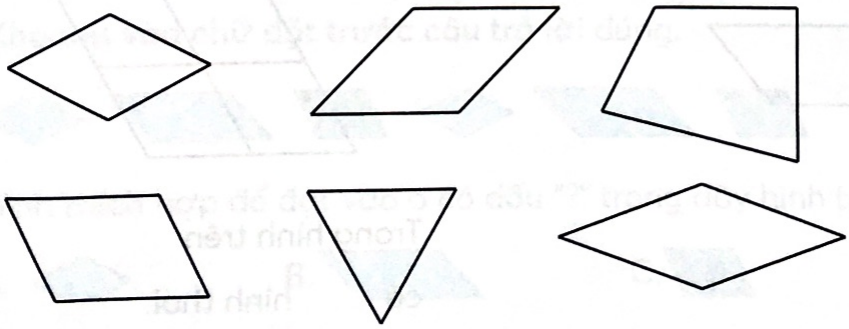
2 Vẽ hai đường thẳng đi qua A và song song với các đường thẳng đã cho trong hình dưới đây.



3 **Tô màu những hình bình hành trong hình vẽ dưới đây.**



4 **Tô màu những hình thoi trong hình vẽ dưới đây.**



5 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

a) Hãy nêu hai hình ảnh thực tế có dạng hình bình hành.

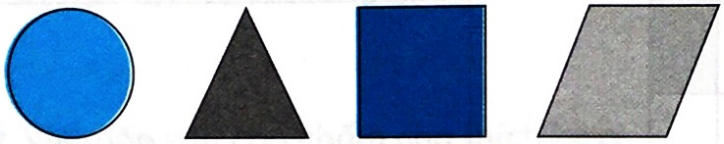
.....

b) Hãy nêu hai hình ảnh thực tế có dạng hình thoi.

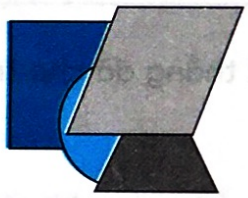
.....

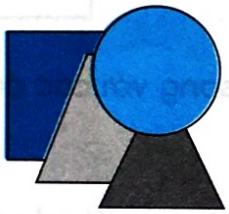
6 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

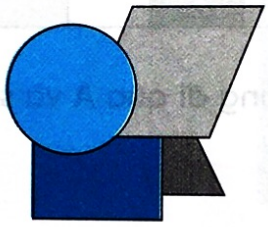
An có 4 miếng hình dán như sau:

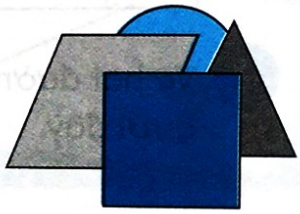


Biết An dán hình thoi sau khi dán hình tròn và trước khi dán hình vuông. Hỏi hình nào dưới đây là sản phẩm của An?

A. 

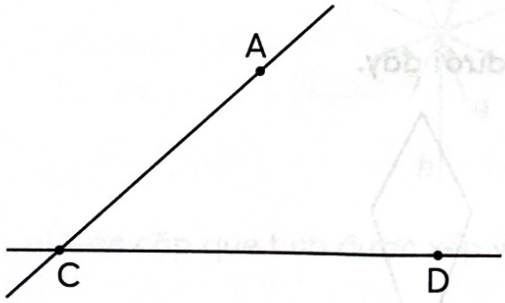
B. 

C. 

D. 

7 a) Vẽ đường thẳng đi qua điểm A và song song với đường thẳng CD.

b) Vẽ đường thẳng đi qua điểm B và song song với đường thẳng AC.



8 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

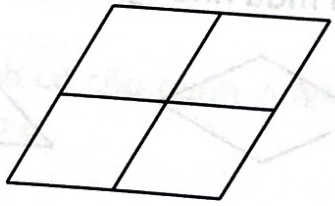
a)



Trong hình trên

có ..... hình bình hành.

b)



Trong hình trên

có ..... hình thoi.

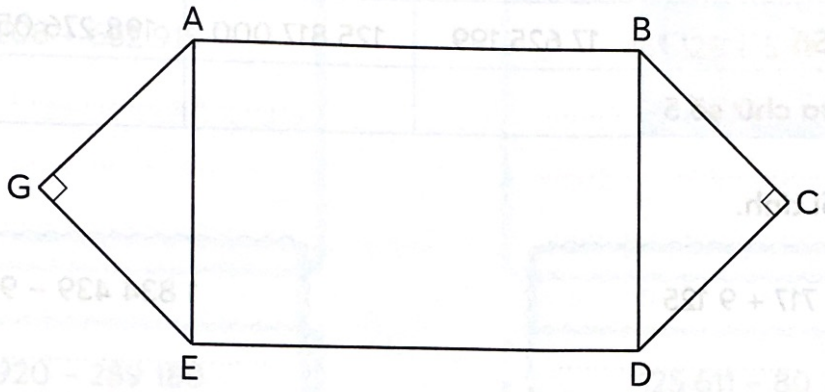
Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 16

LUYỆN TẬP CHUNG. ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU. ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

1 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**



Trong hình vẽ trên:

a) Đoạn thẳng AB song song với đoạn thẳng .....

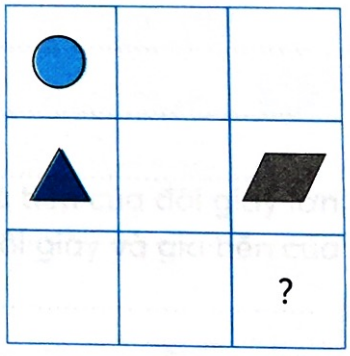
b) Đoạn thẳng AE song song với đoạn thẳng .....

c) Đoạn thẳng BC vuông góc với đoạn thẳng .....

d) Đoạn thẳng GE vuông góc với đoạn thẳng .....

2 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

Mai muốn đặt các hình tròn, hình tam giác và hình thoi vào các ô sao cho mỗi hình chỉ xuất hiện duy nhất trên mỗi hàng, mỗi cột. Hình thích hợp để đặt vào ô có dấu "?" trong hình bên là:



A.  B.  C. 

3 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**



Hình thích hợp để đặt vào ô có dấu "?" trong dãy hình trên là:

A.  B.  C. 

4 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Trong số 178 826 013:

a) Các chữ số thuộc lớp triệu là: .....

b) Các chữ số thuộc lớp nghìn là: .....

c) Các chữ số thuộc lớp đơn vị là: .....

5 **Hoàn thành bảng sau.**

Số	17 625 199	125 817 000	198 276 053	5 781
Giá trị của chữ số 5				

6 **Đặt tính rồi tính.**

8 717 + 9 125

.....

.....

.....

1 834 439 – 918 266

.....

.....

.....

7 Mai mua 1 gói bim bim cua và 1 gói bim bim mực hết tất cả 23 500 đồng. Rô-bốt mua 1 gói bim bim cua và 3 gói bim bim mực như thế hết tất cả 32 000 đồng. Hỏi Nam mua 1 gói bim bim cua và 5 gói bim bim mực như thế hết tất cả bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

8 Rô-bốt viết một số tự nhiên lên bảng. Mai viết thêm chữ số 3 vào phía trước số đó thì được số mới lớn hơn số cũ 300 đơn vị. Hỏi nếu Việt viết thêm chữ số 2 vào phía trước của số mà Mai tạo được thì được số lớn hơn số ban đầu bao nhiêu đơn vị?

.....

.....

.....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 17

ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ. ÔN TẬP HÌNH HỌC

1 Đặt tính rồi tính.

176 208 + 652 915

.....

.....

.....

451 126 + 533 928

.....

.....

.....

879 920 – 289 180

.....

.....

.....

125 611 – 80 102

.....

.....

.....

2 Tính bằng cách thuận tiện.

10 500 + 27 800 + 12 500 + 200 = ...

= .....

= .....

3 Mai mua một đôi giày và một chiếc mũ hết 420 000 đồng. Giá tiền của đôi giày lớn hơn giá tiền của chiếc mũ là 220 000 đồng. Hỏi giá tiền của đôi giày và giá tiền của chiếc mũ mà Mai đã mua là bao nhiêu đồng?

Bài giải

.....

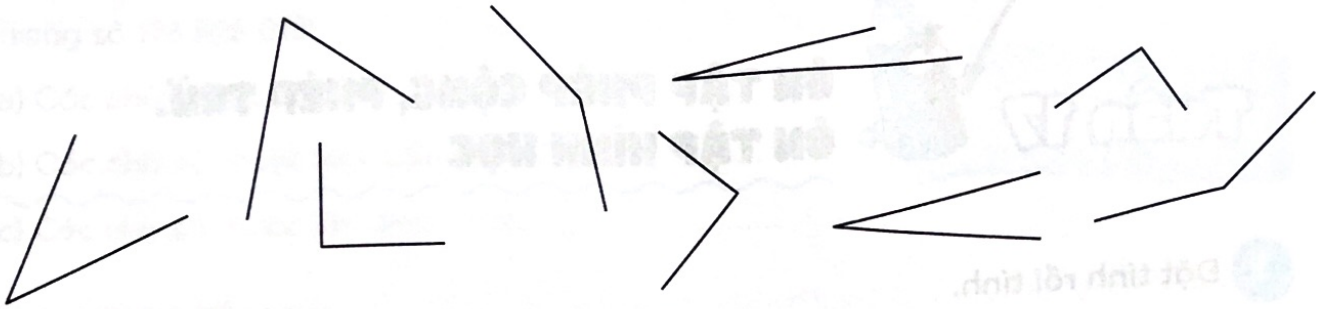
.....

.....

.....

.....

4 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**



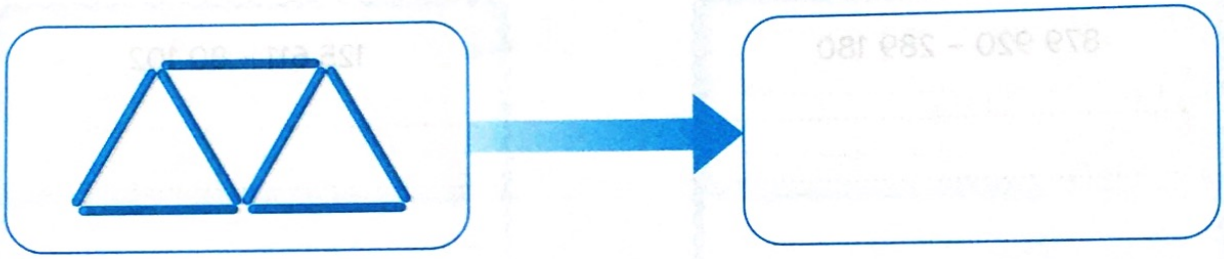
Trong hình trên:

a) Có ..... góc tù.

b) Có ..... góc vuông.

c) Có ..... góc nhọn.

5 Hình dưới đây có 2 hình thoi được ghép từ 7 que tính. Hãy bỏ đi một que tính để không còn hình thoi nào. Vẽ hình đó.



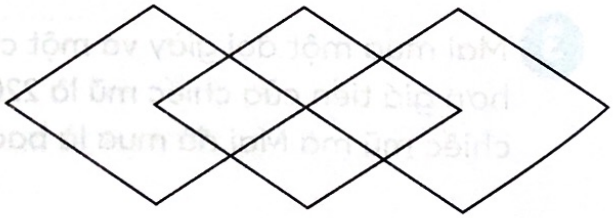
6 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

Nam vẽ một hình bình hành, sau đó đo độ dài các cạnh của hình bình hành đó. Độ dài của 3 cạnh mà Nam đo được là 7 cm, 8 cm, 8 cm.

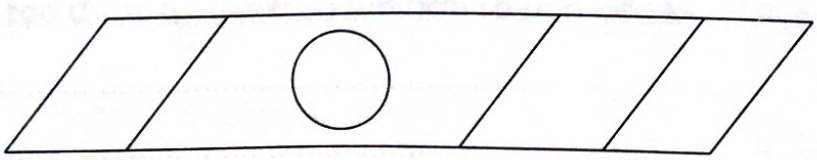
Vậy cạnh còn lại của hình bình hành đó dài ..... cm.

7 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

Trong hình bên có ..... hình thoi.



8 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**



Trong hình trên có ..... hình bình hành chứa hình tròn.

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 18 ÔN TẬP ĐO LƯỜNG. ÔN TẬP CHUNG

1 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

3 yến = ... kg | 40 kg = ... yến | 2 000 kg = ... tấn

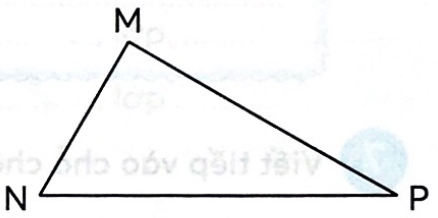
4 tạ = ... kg | 2 tạ 30 kg = ... kg | 1 tấn 2 tạ = ... tạ

2 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

2 cm^2 = ... mm^2 | 1 m^2 = ... dm^2 | 6 dm^2 = ... cm^2

5 m^2 = ... dm^2 | 2 dm^2 2 cm^2 = ... cm^2 | 1 m^2 3 dm^2 = ... dm^2

3 Đo rồi viết số đo các góc đỉnh M, N trong hình bên vào chỗ chấm.



– Góc đỉnh M; cạnh MN, MP bằng .....

– Góc đỉnh N; cạnh NM, NP bằng .....

4 Mặt bàn học của Rô-bốt có dạng hình chữ nhật với chiều dài 6 dm. Chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính diện tích mặt bàn học của Rô-bốt.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Hai bao gạo nặng tổng cộng 20 yến. Bao gạo thứ nhất nặng hơn bao gạo thứ hai 12 kg. Hỏi mỗi bao gạo nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6 **Đặt tính rồi tính.**

52 018 × 7

.....

.....

.....

11 934 × 5

.....

.....

.....

16 064 : 4

.....

.....

.....

.....

72 918 : 9

.....

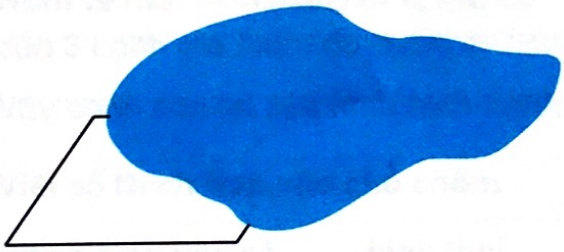
.....

.....

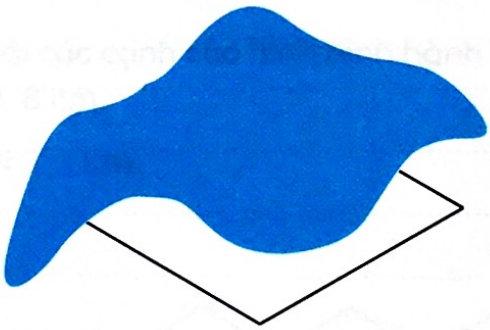
.....

7 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Rô-bốt vẽ hình bình hành và hình thoi như hình dưới đây. Không may mực đã che mất một phần của hình vẽ. Hãy đo và tính chu vi hình bình hành, hình thoi mà Rô-bốt đã vẽ.



Hình bình hành



Hình thoi

– Chu vi hình bình hành là .....

– Chu vi hình thoi là .....

8 Trong các số từ 1 đến 100 có tất cả bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ?

.....

.....

.....

Họ và tên: ..... **Lớp:** .....



TỰ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1

1 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

a) Số 17 085 115 đọc là: .....

.....

b) Số: "Hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn chín trăm chín mươi mốt" viết là: .....

2 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Hãy cho biết chữ số 5 trong mỗi số sau thuộc hàng nào, lớp nào.

a) Chữ số 5 trong số 15 092 881 thuộc hàng ....., lớp .....

b) Chữ số 5 trong số 18 052 440 thuộc hàng ....., lớp .....

3 **Đặt tính rồi tính.**

17 625 + 29 281

.....

.....

.....

763 881 129 – 391 290 043

.....

.....

.....

17 116 × 3

.....

.....

.....

3 824 : 4

.....

.....

.....

.....

4 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

2 m^2 18 dm^2 = ... dm^2

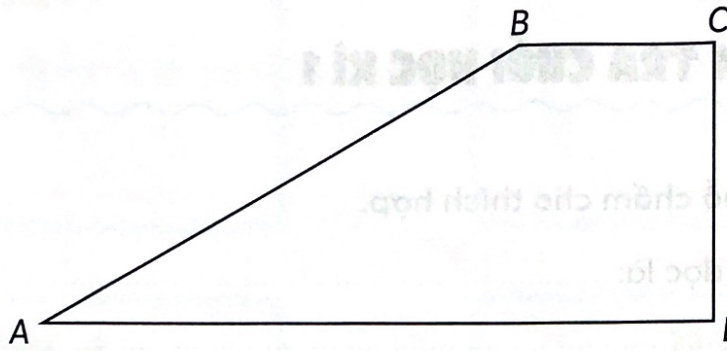
4 tấn = ... tạ

3 tạ 2 yến = ... yến

2 tấn 30 kg = ... kg

5 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Trong hình dưới đây có:



Góc nhọn là: .....

Các góc vuông là: .....

.....

Góc tù là: .....

6 Viết các số 17 366, 81 999, 18 999, 9 999 theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn: .....

b) Từ lớn đến bé: .....

7 Trong ngày hội thể thao có tất cả 385 học sinh tham gia. Biết rằng số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ 15 bạn. Hỏi có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ tham gia ngày hội thể thao?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

8 **Viết chữ số thích hợp vào ô trống.**

a)
$$\begin{array}{r} 6\square5\square7 \\ +\ \ 2\square45 \\ \hline \square0165\square \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} \square\square\square\square\square \\ -\ \ 2509 \\ \hline 67801 \end{array}$$

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 19

NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ. CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ. TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP NHÂN

1 Đặt tính rồi tính.

273 118 × 3	107 208 × 9	319 004 × 6
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

2 Tính giá trị của biểu thức.

a) 272 119 + 18 307 × 3

= .....

= .....

b) 983 782 – 37 095 × 7

= .....

= .....

3 Đặt tính rồi tính.

76 122 : 3	827 385 : 5
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

4 Tính giá trị của biểu thức.

a) 124 064 : 4 × 3

= .....

= .....

b) 832 203 : 9 × 2

= .....

= .....

5 Chú Nhất có 250 000 đồng. Sau khi mua 4 kg vải thì chú còn 90 000 đồng. Hỏi mỗi ki-lô-gam vải có giá bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

6 Năm ngoái người ta ghi nhận có 175 650 lượt khách du lịch tới địa phương A. Năm nay người ta ước tính lượt khách du lịch tới địa phương A sẽ tăng gấp 4 lần. Hỏi năm nay ước tính lượt khách du lịch tới địa phương A là bao nhiêu lượt?

Bài giải

.....

.....

.....

7 **Không thực hiện phép tính, viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

a) 3 × 6 = ... × 3

b) 12 × 15 = 15 × .....

c) 762 772 × 9 = 9 × .....

d) 15 360 × 4 = ... × 15 360

8 **Tìm hai số biết tổng và hiệu của chúng là 125 000 và 2 500.**

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP NHÂN. NHÂN, CHIA VỚI 10, 100, 1 000, ... TÍNH CHẤT PHÂN PHỐI CỦA PHÉP NHÂN ĐỐI VỚI PHÉP CỘNG

1 **Tính bằng hai cách (theo mẫu).**

Mẫu: $7 \times 2 \times 5$

Cách 1: $7 \times 2 \times 5 = (7 \times 2) \times 5 = 14 \times 5 = 70$.

Cách 2: $7 \times 2 \times 5 = 7 \times (2 \times 5) = 7 \times 10 = 70$.

a) $6 \times 3 \times 3$

.....

.....

b) $9 \times 4 \times 2$

.....

.....

c) $9 \times 5 \times 2$

.....

.....

d) $8 \times 2 \times 3$

.....

.....

2 Cô Bình mua 2 thùng dâu tây. Trong mỗi thùng có 6 hộp dâu tây. Mỗi hộp có 9 quả dâu tây. Hỏi cô Bình đã mua bao nhiêu quả dâu tây?

Bài giải

.....

.....

.....

3 **Không thực hiện phép tính, viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

a) $176 \times 8 = 8 \times$ .....

b) $(6 \times 19) \times 45 = 6 \times ($..... $\times 45)$

c) $37 \times 4 \times 5 = 5 \times$ ..... $\times 4$

d) $8 \times 7 \times 11 = 11 \times 8 \times$ .....

4 **Tính nhẩm.**

$17 \times 10 =$ .....

$1\,763 \times 100 =$ .....

$7\,415 \times 1\,000 =$ .....

$8\,700 : 10 =$ .....

$650\,000 : 100 =$ .....

$320\,000 : 1\,000 =$ .....

5 Mỗi khay trứng có 10 quả. Mỗi thùng lại có 100 khay trứng như vậy. Tuần vừa qua siêu thị nhập về 25 thùng trứng. Hỏi siêu thị đã nhập về bao nhiêu quả trứng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

6 **Hoàn thành bảng sau.**

Số bị chia	7 200	4 000	120 500
Số chia	10	1 000	100
Thương			

Thừa số	1 760	40 500	2 000
Thừa số	100	10	1 000
Tích			

7 **Tính bằng hai cách (theo mẫu).**

Mẫu: $35 \times (7 + 3)$

Cách 1: $35 \times (7 + 3) = 35 \times 10$

$= 350$

Cách 2: $35 \times (7 + 3) = 35 \times 7 + 35 \times 3$

$= 245 + 105$

$= 350$

a) $85 \times (4 + 6)$

.....

.....

.....

b) $(83 + 17) \times 7$

.....

.....

.....

8 **Tính giá trị của biểu thức.**

$17 \times 1 + 17 \times 2 + 17 \times 3 + 17 \times 4 =$ .....

$=$ .....

$=$ .....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 21

TÍNH CHẤT PHÂN PHỐI CỦA PHÉP NHÂN ĐỐI VỚI PHÉP CỘNG. NHÂN VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

1 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $76 \times 4 + 76 \times 6$

= .....

= .....

= .....

b) $872 \times 2 + 872 \times 8$

= .....

= .....

= .....

c) $27 \times 9 + 73 \times 9$

= .....

= .....

= .....

d) $125 \times 7 + 875 \times 7$

= .....

= .....

= .....

2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $26 \times 2 + 26 \times 2 + 26 \times 6$

= .....

= .....

= .....

b) $61 \times 3 + 61 \times 5 + 61 \times 2$

= .....

= .....

= .....

3 Một cửa hàng có 16 cuộn dây thừng, mỗi cuộn dài 75 m. Cửa hàng đã bán 6 cuộn dây thừng như vậy. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu mét dây thừng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Hoàn thành bảng sau.

a	b	c	a × (b – c)	a × b – a × c	(b – c) × a
8	9	6			
15	8	3			
23	10	5			
19	10	7			

5 Đặt tính rồi tính.

76 × 19

84 × 25

8 812 × 13

6 Anh Bảy mua 15 kg vải và 23 kg cam. Biết 1 kg vải giá 25 000 đồng, 1 kg cam giá 26 000 đồng. Hỏi tổng số tiền anh Bảy cần bỏ ra để mua hàng là bao nhiêu đồng?

Bài giải

7 Số ?

a) 87 → × 15 → ☐ → + 705 → ☐

b) 206 → + 814 → ☐ → × 31 → ☐

8 Khi thực hiện nhân một số với 22, Rô-bốt đã đặt hai tích riêng thẳng cột nên kết quả là 84. Hỏi nếu Rô-bốt thực hiện nhân đúng, bạn ấy sẽ nhận được kết quả là bao nhiêu?

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 22

CHIA CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ. THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM ƯỚC LƯỢNG TRONG TÍNH TOÁN. TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

1 Đặt tính rồi tính.

576 : 16

.....

.....

.....

1 462 : 17

.....

.....

.....

580 : 16

.....

.....

.....

1 460 : 86

.....

.....

.....

2 Tính nhẩm.

81 000 : 90 = ...

640 000 : 200 = ...

4 500 : 500 = ...

12 000 : 30 = ...

3 Tính rồi so sánh giá trị của các biểu thức.

a) 80 : (2 × 5) = ...

= .....

80 : 2 : 5 = ...

= .....

80 : (2 × 5) ..... 80 : 2 : 5

b) (25 × 11) : 5 = ...

= .....

(25 : 5) × 11 = ...

= .....

(25 × 11) : 5 ..... (25 : 5) × 11

4 Mai mua 12 kg táo hết 420 000 đồng. Hỏi mỗi ki-lô-gam táo mà Mai đã mua có giá bao nhiêu đồng?

Bài giải

.....

.....

.....

5 **Số** ?

Thừa số	34	175	23	
Thừa số	27	11		31
Tích			368	1426

6 **Ước lượng kết quả của mỗi phép tính theo yêu cầu.**

a) Khoảng mấy nghìn?

1 980 + 2 980 khoảng .....

8 675 – 2 790 khoảng .....

b) Khoảng mấy chục nghìn?

29 516 + 40 250 khoảng .....

71 509 – 20 999 khoảng .....

7 Tháng vừa rồi Việt thực hiện 4 lần cân với số đo nhận được lần lượt là 42 kg, 41 kg, 44 kg và 45 kg. Hỏi trung bình tháng vừa rồi Việt nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

.....

.....

8 Mẹ và Mai ra chợ mua 19 kg xoài với giá mỗi ki-lô-gam xoài là 39 000 đồng. Người bán hàng nói: "Của bác hết tất cả 800 000 đồng". Mai nhẩm nhanh và nói: "Bác tính chưa đúng rồi. Chắc chắn giá không đến 800 000 đồng". Hãy giải thích cách làm của Mai.

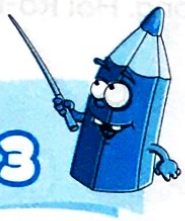
.....

.....

.....

.....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 23

TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG. BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ. LUYỆN TẬP CHUNG

1 Trong đợt kế hoạch nhỏ vừa rồi, các lớp khối Bốn góp được số giấy vụn lần lượt là 34 kg, 36 kg, 40 kg, 29 kg và 31 kg. Hỏi trung bình mỗi lớp góp được bao nhiêu ki-lô-gam giấy vụn?

Bài giải

.....

.....

.....

2 **Hoàn thành bảng sau.**

Số ki-lô-gam đường	8	1	4	5	10
Số tiền tương ứng (đồng)	72 000				

3 Mẹ xếp đều 36 cái bánh vào 6 cái đĩa. Hỏi 5 cái đĩa như vậy có bao nhiêu cái bánh?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 **Đặt tính rồi tính.**

76 282 × 9

.....

.....

.....

1 383 × 21

.....

.....

.....

.....

73 084 : 4

.....

.....

.....

.....

.....

.....

23 738 : 26

.....

.....

.....

.....

5 Nam mua 3 cái bút cùng loại với tổng số tiền là 36 000 đồng. Hỏi Rô-bốt mua 5 cái bút cùng loại đó hết bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

6 Trên bàn có 5 cái đĩa, mỗi đĩa có 8 quả cam và 5 cái đĩa, mỗi đĩa có 10 quả cam. Hỏi trung bình mỗi cái đĩa trên bàn có mấy quả cam?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

7 **Tính bằng cách thuận tiện.**

a) $671 \times 25 \times 4$

= .....

= .....

= .....

b) $500 \times 32 \times 2$

= .....

= .....

= .....

8 Trên xe buýt có tất cả 10 người với số tuổi trung bình là 26 tuổi. Tại điểm dừng, anh Ba xuống xe và không có người nào đi lên xe buýt. Biết rằng anh Ba 17 tuổi. Hỏi số tuổi trung bình của những người còn lại là bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 24

LUYỆN TẬP CHUNG. DÃY SỐ LIỆU THỐNG KÊ. BIỂU ĐỒ CỘT

1 Có 36 hộp sữa, đóng được thành 9 lốc sữa. Hỏi có 192 hộp sữa có thể đóng được thành bao nhiêu lốc sữa như vậy?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

2 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

Rô-bốt kiểm tra số trang sách của mỗi cuốn sách trong ngăn tủ và ghi lại được dãy số liệu sau: 120; 92; 64; 200; 96; 152.

a) Trong ngăn tủ có ..... cuốn sách.

b) Có ..... cuốn sách dày hơn 100 trang.

c) Cuốn sách thứ 3 mà Rô-bốt kiểm tra dày ..... trang.

3 **Mai vào cửa hàng tranh và ghi lại giá tiền một số bức tranh như sau:**

98 000 đồng 273 000 đồng 100 000 đồng 260 000 đồng 70 000 đồng

Viết dãy số liệu chỉ giá tiền của mỗi bức tranh theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn: .....

b) Từ lớn đến bé: .....

4 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Trong giờ học thể dục, thầy giáo cho các bạn tổ 1 nhảy xa và ghi lại kết quả được dãy số liệu như sau: 185 cm; 200 cm; 160 cm; 131 cm; 172 cm; 142 cm.

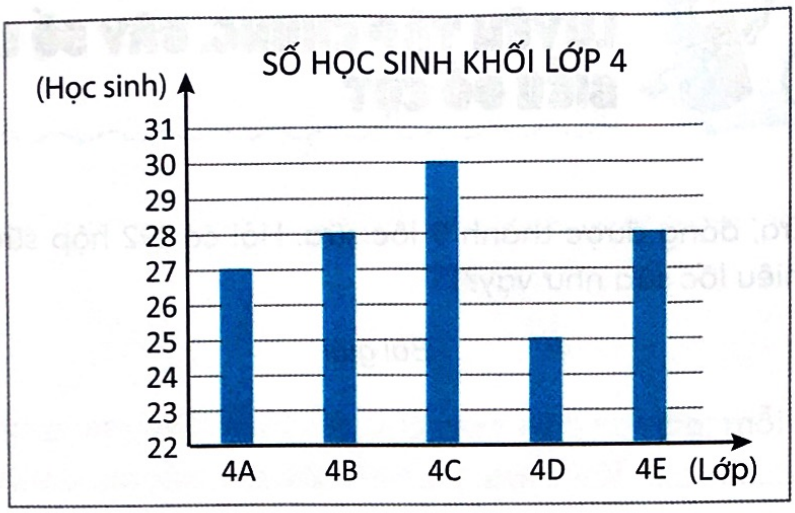
a) Tổ 1 có ..... bạn.

b) Bạn nhảy xa nhất trong tổ 1 nhảy được ..... cm.

c) Trung bình các bạn trong tổ 1 nhảy được ..... cm.

5 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Biểu đồ dưới đây cho biết số học sinh của Khối lớp 4 trong trường.



a) Khối lớp 4 trong trường có ..... lớp.

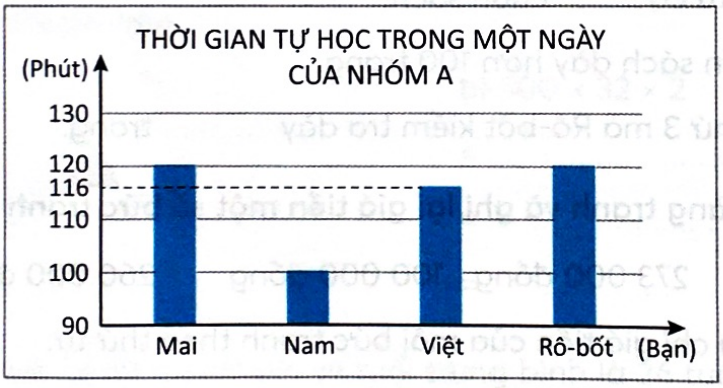
b) Lớp ..... có nhiều học sinh nhất.

c) Lớp ..... có ít học sinh nhất.

d) Khối lớp 4 có tất cả ..... học sinh.

6 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Biểu đồ dưới đây cho biết thời gian tự học trong một ngày của mỗi bạn trong nhóm A.



a) Nhóm A có ..... bạn.

b) Hai bạn có thời gian tự học bằng nhau là ..... và .....

c) Trung bình mỗi bạn dành ..... phút để tự học.

7 **Tính bằng cách thuận tiện.**

a) $753 \times 60 + 40 \times 753$

= .....

= .....

= .....

b) $1\,012 \times 73 - 12 \times 73$

= .....

= .....

= .....

Họ và tên: ..... Lớp: .....

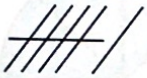
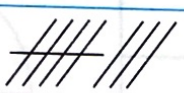


Tuần 25

SỐ LẦN XUẤT HIỆN CỦA MỘT SỰ KIỆN. LUYỆN TẬP CHUNG. KHÁI NIỆM PHÂN SỐ

1 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

Minh gieo một xúc xắc nhiều lần, quan sát số chấm ở mặt trên của xúc xắc đó và ghi lại kết quả nhận được vào bảng dưới đây.

a) Mặt 2 chấm xuất hiện ..... lần.

b) Mặt 3 chấm xuất hiện ..... lần.

c) Mặt 6 chấm xuất hiện ..... lần.

2 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Trong túi có 3 chiếc bút chì và 2 chiếc bút bi. Lan lấy ra 2 chiếc bút bất kì.

Các sự kiện có thể xảy ra là: .....

.....

3 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

Trong lần kiểm tra sức khoẻ, bác sĩ đo chiều cao của các bạn trong lớp 5A. Bạn Hoa ghi lại chiều cao của mình và các bạn Đào, Cúc, Huệ thành một dãy số liệu như sau:

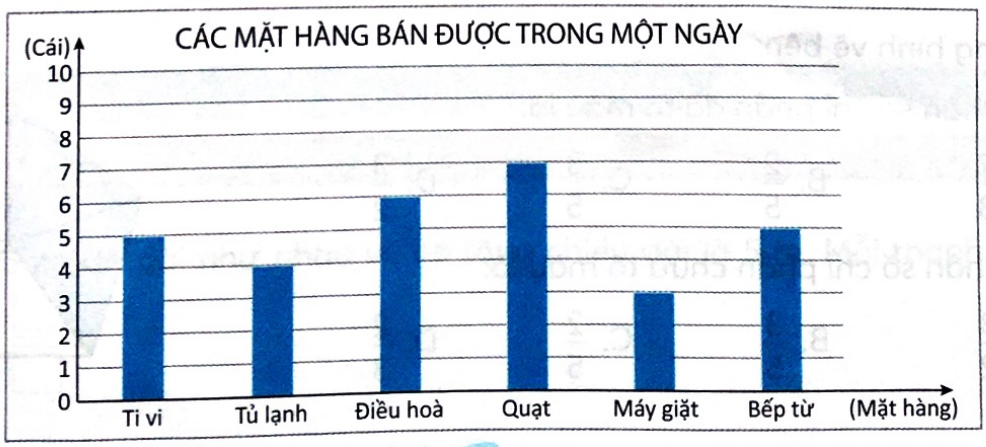
137 cm, 138 cm, 140 cm, 136 cm.

Hỏi trong bốn bạn, có bao nhiêu bạn có chiều cao lớn hơn 137 cm?

A. 1 bạn B. 2 bạn C. 3 bạn D. 4 bạn

4 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Nhân viên cửa hàng điện máy đã thu thập, phân loại và ghi chép số lượng mặt hàng bán được trong ngày rồi vẽ biểu đồ dưới đây.



a) Tên mặt hàng bán được nhiều nhất là ....., bán được ít nhất là .....

b) Số lượng tất cả các mặt hàng mà cửa hàng bán được là ..... cái.

c) Trung bình mỗi mặt hàng bán được ..... cái.

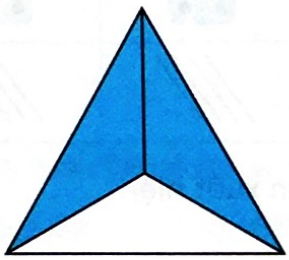
5 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

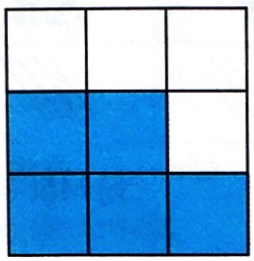
Trong hộp có 2 chiếc bút chì, 1 cục tẩy và 1 chiếc bút máy. Huy lấy ra hai đồ vật bất kì.

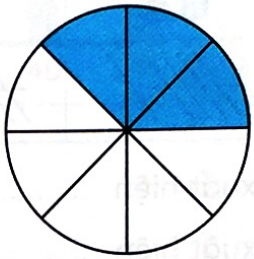
Các sự kiện có thể xảy ra là: .....

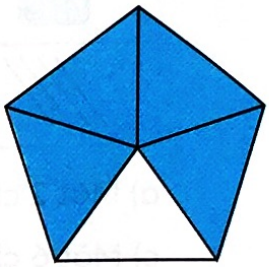
.....

6 **Nối hình vẽ với phân số thích hợp.**









$\frac{3}{8}$ $\frac{4}{5}$ $\frac{5}{9}$ $\frac{2}{3}$

7 **Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.**

a) Năm phần mười ba, viết là .....

b) Ba phần mười bốn, viết là .....

c) Hai mươi mốt phần sáu mươi tám, viết là .....

d) Ba mươi ba phần năm mươi, viết là .....

8 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

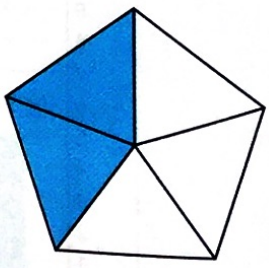
Trong hình vẽ bên:

a) Phân số chỉ phần đã tô màu là:

A. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{2}{5}$ C. $\frac{3}{5}$ D. $\frac{3}{2}$

b) Phân số chỉ phần chưa tô màu là:

A. $\frac{3}{2}$ B. $\frac{3}{5}$ C. $\frac{2}{5}$ D. $\frac{2}{3}$



Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 26

PHÂN SỐ VÀ PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN. TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ. RÚT GỌN PHÂN SỐ

1 Viết phép chia dưới dạng phân số (theo mẫu).

Mẫu: $2 : 3 = \frac{2}{3}$.

3 : 4 = ... 7 : 11 = ... 9 : 19 = ... 11 : 30 = ...

2 Viết (theo mẫu).

a) Mẫu: $12 : 4 = \frac{12}{4} = 3$.

15 : 3 = ... = ... 25 : 5 = ... = ...

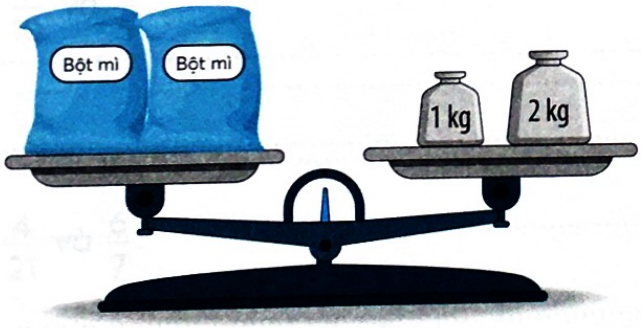
50 : 10 = ... = ... 81 : 9 = ... = ...

b) Mẫu: $7 = \frac{7}{1}$.

$10 = \frac{\square}{1}$ $23 = \frac{\square}{1}$ $0 = \frac{\square}{1}$ $1 = \frac{\square}{1}$

3 **Số** ?

a)



Cân 2 túi bột mì như nhau.

Một túi bột mì cân nặng $\frac{\square}{\square}$ kg.

b)



Ba thanh gỗ có độ dài như nhau và có tổng chiều dài là 5 m. Mỗi thanh gỗ đó có chiều dài là $\frac{\square}{\square}$ m.

4 **Số ?**

$\frac{1}{4} = \frac{\square}{16}$ $\quad\quad$ $\frac{8}{24} = \frac{\square}{3}$

$\frac{18}{27} = \frac{2}{\square}$ $\quad\quad$ $\frac{5}{9} = \frac{\square}{81}$

5 **Hoàn thành bảng sau.**

Biểu thức	Giá trị của biểu thức với a = 15, b = 5
a : b	15 : 5 = ...
(a × 2) : (b × 2)	(15 × 2) : (5 × 2) = ...
(a : 5) : (b : 5)	(15 : 5) : (5 : 5) = ...

6 **Số ?**

a) $\frac{16}{24} = \frac{\square}{3} = \frac{6}{\square}$.

b) $\frac{3}{4} = \frac{6}{\square} = \frac{\square}{24} = \frac{\square}{40}$.

7 **Rút gọn các phân số (theo mẫu).**

Mẫu: $\frac{25}{15} = \frac{25:5}{15:5} = \frac{5}{3}$.

a) $\frac{12}{20}$ = ...

b) $\frac{8}{12}$ = ...

c) $\frac{24}{40}$ = ...

d) $\frac{105}{60}$ = ...

8 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

Rút gọn phân số $\frac{30}{42}$ được phân số tối giản là:

A. $\frac{15}{21}$ $\quad\quad$ B. $\frac{10}{14}$

C. $\frac{5}{7}$ $\quad\quad$ D. $\frac{6}{7}$

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 27

RÚT GỌN PHÂN SỐ. QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ. SO SÁNH PHÂN SỐ

1 Rút gọn các phân số.

a) $\frac{20}{30}$ = ...

b) $\frac{14}{21}$ = ...

c) $\frac{32}{48}$ = ...

d) $\frac{105}{135}$ = ...

2 Tính (theo mẫu).

Mẫu: $\frac{7 \times \cancel{5} \times \cancel{3}}{\cancel{5} \times \cancel{3} \times 4} = \frac{7}{4}$.

a) $\frac{11 \times 6 \times 5}{5 \times 6 \times 4}$ = ...

b) $\frac{17 \times 4 \times 8}{17 \times 7 \times 8}$ = ...

3 Quy đồng mẫu số các phân số (theo mẫu).

Mẫu: $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{15}$.

Ta có: $\frac{1}{3} = \frac{1 \times 5}{3 \times 5} = \frac{5}{15}$.

Vậy: Quy đồng mẫu số của $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{15}$ được $\frac{5}{15}$ và $\frac{2}{15}$.

a) $\frac{3}{10}$ và $\frac{4}{5}$.

.....

.....

b) $\frac{4}{21}$ và $\frac{6}{7}$.

.....

.....

4 Quy đồng mẫu số các phân số.

a) $\frac{5}{9}$ và $\frac{7}{3}$.

.....

.....

b) $\frac{5}{12}$ và $\frac{9}{24}$.

.....

.....

c) $\frac{7}{16}$ và $\frac{3}{4}$.

.....

.....

5 **Rút gọn rồi quy đồng mẫu số các phân số.**

a) $\frac{11}{5}$ và $\frac{32}{60}$.

.....

.....

b) $\frac{1\,010}{1\,616}$ và $\frac{15}{4}$.

.....

.....

6 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

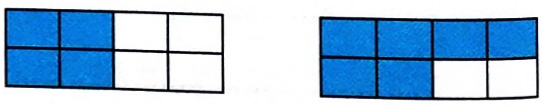
Phân số nào dưới đây bằng phân số $\frac{5}{8}$?

A. $\frac{25}{27}$ B. $\frac{10}{14}$ C. $\frac{15}{24}$ D. $\frac{35}{72}$

7 **Viết phân số rồi điền dấu (>; <; =) thích hợp (theo mẫu).**

a) 

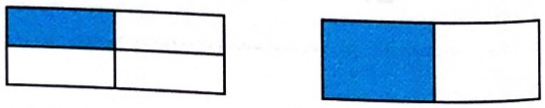
$\frac{4}{6}$ > $\frac{3}{6}$

b) 

..... ○ .....

c) 

..... ○ .....

d) 

..... ○ .....

8 **Viết tiếp vào chỗ chấm để được câu trả lời thích hợp.**

Sau khi luyện tập thể thao, Hùng uống $\frac{1}{3}$ cốc nước, Huy uống $\frac{2}{6}$ cốc nước và Toàn uống $\frac{3}{9}$ cốc nước. Em có nhận xét gì về lượng nước các bạn đã uống sau khi tập luyện?

Trả lời: .....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



SO SÁNH PHÂN SỐ. LUYỆN TẬP CHUNG. PHÉP CỘNG PHÂN SỐ

1 **>, <, =** ?

$\frac{2}{3} \square \frac{1}{3}$ $\quad \frac{5}{8} \square \frac{11}{8}$ $\quad \frac{21}{12} \square \frac{19}{12}$

$\frac{39}{58} \square \frac{40}{58}$ $\quad \frac{31}{30} \square 1$ $\quad \frac{8}{9} \square 1$

2 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Trong các phân số: $\frac{3}{4}$; $\frac{5}{2}$; $\frac{8}{7}$; $\frac{8}{10}$; $\frac{32}{33}$; $\frac{135}{247}$:

a) Các phân số lớn hơn 1 là: .....

b) Các phân số bé hơn 1 là: .....

3 **So sánh hai phân số (theo mẫu).**

Mẫu: $\frac{5}{8}$ và $\frac{3}{4}$. Quy đồng mẫu số của $\frac{5}{8}$ và $\frac{3}{4}$ được $\frac{5}{8}$ và $\frac{6}{8}$.

Mà: $\frac{5}{8} < \frac{6}{8}$. Vậy: $\frac{5}{8} < \frac{3}{4}$.

a) $\frac{7}{5}$ và $\frac{27}{20}$ .....

.....

b) $\frac{85}{81}$ và $\frac{10}{9}$ .....

.....

4 **Viết các phân số $\frac{1}{2}$; $\frac{1}{5}$; $\frac{20}{20}$; $\frac{15}{20}$; $\frac{1}{4}$ theo thứ tự từ bé đến lớn:**

.....

5 **Khoanh vào phân số tối giản trong các phân số dưới đây.**

$\frac{1}{3}$; $\quad \frac{3}{6}$; $\quad \frac{12}{15}$; $\quad \frac{31}{55}$

6 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

Phân số nào dưới đây bằng phân số $\frac{2}{8}$?

A. $\frac{6}{8}$

B. $\frac{1}{2}$

C. $\frac{1}{4}$

D. $\frac{2}{6}$

7 **Tính.**

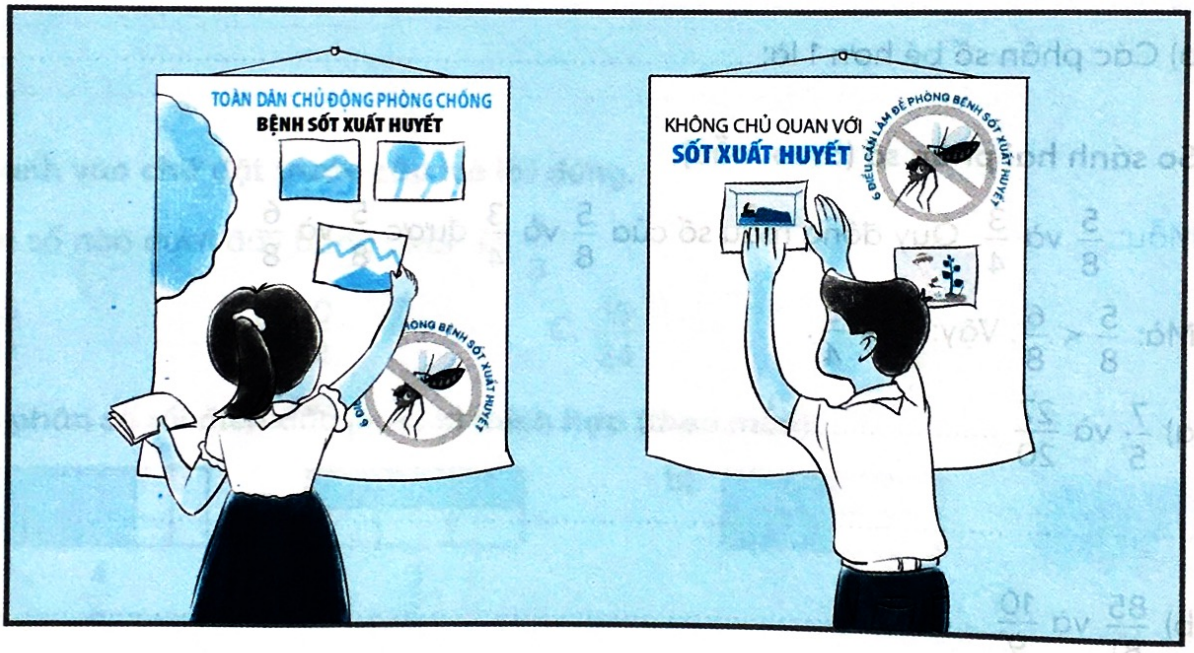
a) $\frac{1}{3} + \frac{2}{3} =$ .....

$\frac{3}{7} + \frac{2}{7} =$ .....

b) $\frac{7}{11} + \frac{12}{11} =$ .....

$\frac{3}{13} + \frac{5}{13} =$ .....

8 Lê và Hải làm pa-nô để tuyên truyền phòng chống dịch sốt xuất huyết. Lê dự kiến sẽ dán ảnh vào $\frac{3}{9}$ tấm pa-nô, Hải dự kiến sẽ dán ảnh vào $\frac{4}{15}$ tấm pa-nô. Hỏi tấm pa-nô của bạn nào sẽ dán ảnh nhiều hơn?



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 29

PHÉP CỘNG PHÂN SỐ. PHÉP TRỪ PHÂN SỐ

1 **Tính.**

a) $\frac{5}{12} + \frac{7}{6} =$ .....

b) $\frac{4}{7} + \frac{10}{21} =$ .....

2 **Rút gọn rồi tính.**

a) $\frac{6}{18} + \frac{5}{9} =$ .....

b) $\frac{8}{12} + \frac{10}{18} =$ .....

3 **Tính.**

a) $2 + \frac{3}{8} =$ ..... b) $\frac{1}{6} + 5 =$ ..... c) $\frac{6}{15} + 3 =$ .....

4 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

Một vòi nước được mở cho chảy vào một bể nước. Giờ thứ nhất vòi nước chảy được $\frac{3}{10}$ bể, giờ thứ hai vòi nước chảy tiếp được $\frac{2}{5}$ bể. Hỏi sau hai giờ vòi nước đó chảy được bao nhiêu phần của bể?

A. $\frac{3}{10}$ B. $\frac{2}{5}$ C. $\frac{5}{15}$ D. $\frac{7}{10}$

5 Một đội công nhân làm đường. Ngày thứ nhất làm được $\frac{2}{9}$ quãng đường, ngày thứ hai làm được $\frac{1}{3}$ quãng đường. Hỏi cả hai ngày đội công nhân đó làm được bao nhiêu phần của quãng đường?

Bài giải

.....

.....

.....

6 **Tính nhẩm rồi viết số thích hợp vào ô trống.**

$\frac{3}{7} + \frac{\square}{\square} = 1$ $\quad$ $\frac{2}{9} + \frac{\square}{\square} = 1$ $\quad$ $\frac{1}{5} + \frac{\square}{\square} = 1$

$\frac{4}{11} + \frac{\square}{\square} = 1$ $\quad$ $\frac{5}{12} + \frac{\square}{\square} = 1$ $\quad$ $\frac{1}{7} + \frac{\square}{\square} = 1$

7 a) Tính.

- $\frac{5}{7} - \frac{2}{7} =$ .....
- $\frac{12}{5} - \frac{3}{5} =$ .....
- $\frac{11}{15} - \frac{9}{15} =$ .....

b) Rút gọn rồi tính.

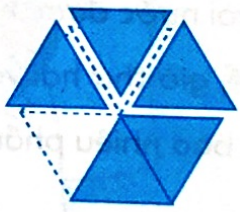
- $\frac{18}{15} - \frac{4}{10} =$ .....
- $\frac{21}{24} - \frac{2}{16} =$ .....

8 **Viết phép tính thích hợp với mỗi hình rồi thực hiện phép tính đó (theo mẫu).**

Mẫu:



$\frac{11}{12} + \frac{1}{4} = \frac{11}{12} + \frac{3}{12} = \frac{11+3}{12} = \frac{14}{12} = \frac{7}{6}$.



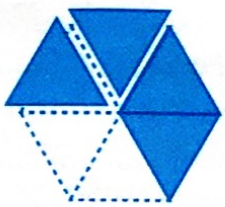
$\frac{5}{6} - \frac{3}{6} = \frac{5-3}{6} = \frac{2}{6} = \frac{1}{3}$.

a) 

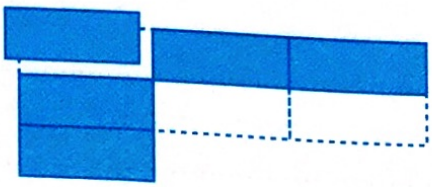
.....

b) 

.....

c) 

.....

d) 

.....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 30

PHÉP TRỪ PHÂN SỐ. LUYỆN TẬP CHUNG. PHÉP NHÂN PHÂN SỐ

1 Tính.

a) $\frac{3}{2} - \frac{5}{8} =$ .....

b) $\frac{7}{12} - \frac{1}{4} =$ .....

c) $\frac{5}{6} - \frac{13}{18} =$ .....

d) $\frac{7}{9} - \frac{1}{3} =$ .....

2 Tính.

a) $5 - \frac{2}{3} =$ .....

b) $\frac{18}{7} - 2 =$ .....

3 Tìm $\square$.

a) $\frac{2}{3} + \square = \frac{5}{6}$

.....

.....

b) $\square - \frac{5}{14} = \frac{8}{7}$

.....

.....

c) $\frac{8}{3} - \square = \frac{1}{6}$

.....

.....

4 Hưởng ứng phong trào "Cùng chung tay giữ sạch môi trường". Đội tình nguyện thứ nhất dọn vệ sinh $\frac{3}{12}$ khuôn viên nhà trường, đội thứ hai dọn vệ sinh $\frac{5}{12}$ khuôn viên nhà trường. Đội thứ 3 dọn vệ sinh phần còn lại của khuôn viên nhà trường. Hỏi đội đội thứ ba đã dọn vệ sinh bao nhiêu phần khuôn viên nhà trường?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Hai vòi nước chảy vào một bể, trong cùng một thời gian. Vòi thứ nhất chảy được $\frac{2}{5}$ bể nước, vòi thứ hai chảy được $\frac{3}{10}$ bể nước. Hỏi vòi thứ nhất chảy được nhiều hơn vòi thứ hai bao nhiêu phần bể nước?

Bài giải

.....

.....

.....

6 **Tính.**

a) $\frac{3}{16} + \frac{7}{4} =$ .....

b) $\frac{6}{7} + \frac{11}{21} =$ .....

7 **Rút gọn rồi tính.**

a) $\frac{28}{48} + \frac{5}{12} =$ .....

b) $\frac{8}{32} + \frac{15}{16} =$ .....

8 Một đội công nhân được giao sửa lại một đoạn đường. Sau tuần thứ nhất, đội công nhân hoàn thành được $\frac{1}{6}$ đoạn đường, sau tuần thứ hai hoàn thành thêm $\frac{2}{6}$ đoạn đường. Hỏi đội công nhân cần phải hoàn thành mấy phần đoạn đường nữa?



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 31 PHÉP NHÂN PHÂN SỐ. PHÉP CHIA PHÂN SỐ

1 Tính rồi rút gọn.

a) $\frac{1}{5} \times \frac{3}{8} =$ .....

b) $\frac{3}{7} \times \frac{2}{5} =$ .....

c) $\frac{1}{3} \times \frac{2}{3} =$ .....

d) $\frac{7}{13} \times \frac{5}{9} =$ .....

2 Tính.

a) $\frac{5}{7} \times 3 =$ .....

b) $5 \times \frac{2}{9} =$ .....

c) $\frac{3}{15} \times 6 =$ .....

3 Tính.

a) $\frac{3}{7} : \frac{8}{5} =$ .....

b) $\frac{5}{6} : \frac{7}{8} =$ .....

c) $\frac{1}{21} : \frac{1}{9} =$ .....

4 Tính rồi rút gọn.

a) $\frac{5}{6} : \frac{3}{8} =$ .....

b) $\frac{2}{5} : \frac{6}{15} =$ .....

c) $\frac{8}{9} : \frac{4}{7} =$ .....

d) $\frac{4}{15} : \frac{6}{15} =$ .....

5 Tính.

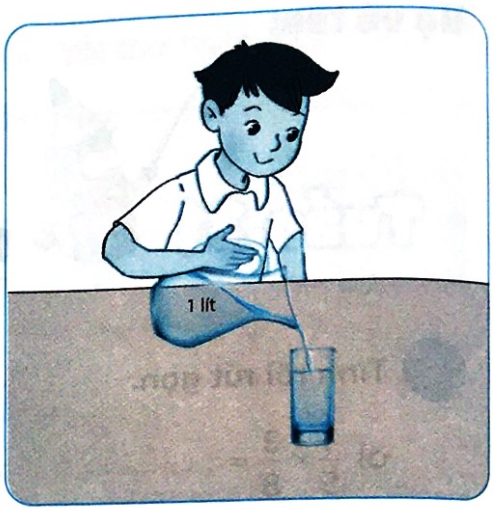
a) $\frac{5}{2} \times \frac{1}{6} =$ .....

b) $\frac{7}{9} : \frac{14}{5} =$ .....

$\frac{8}{13} \times 5 =$ .....

$\frac{3}{8} : 7 =$ .....

6 Mỗi cốc nước được tính khoảng $\frac{1}{5}$ l nước, mỗi ngày em uống khoảng 10 cốc nước. Hỏi mỗi ngày em uống khoảng bao nhiêu lít nước?



Bài giải

.....

.....

.....

7 May một cái túi hết $\frac{1}{4}$ m vải. Hỏi có 20 m vải thì may được bao nhiêu cái túi như thế?



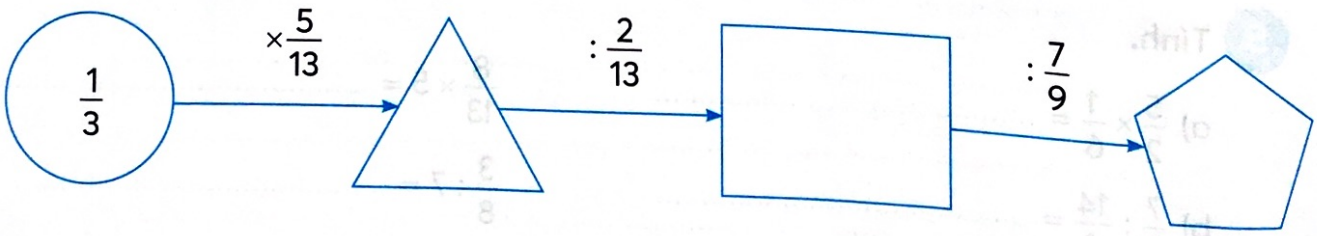
Bài giải

.....

.....

.....

8 **Viết phân số thích hợp vào ô trống.**



Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 32

PHÉP CHIA PHÂN SỐ. TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ. LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính.

a) $\frac{2}{3} : \frac{8}{11} =$ .....

b) $\frac{3}{6} : \frac{5}{12} =$ .....

c) $\frac{1}{15} : \frac{1}{13} =$ .....

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $\frac{3}{5}$ của 35 là .....

b) $\frac{2}{5}$ của 210 là .....

c) $\frac{1}{4}$ của 28 kg là ..... kg.

d) $\frac{9}{7}$ của 700 km là ..... km.

3 Anh Hải mua 5 kg khoai lang gồm có cả khoai tím và khoai vàng, biết rằng số ki-lô-gam khoai tím bằng $\frac{3}{5}$ số ki-lô-gam khoai lang. Hỏi anh Hải đã mua mấy ki-lô-gam khoai tím?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Biết rằng, khoảng $\frac{3}{5}$ khối lượng cơ thể người là nước. Một người nặng 65 kg, hỏi lượng nước trong cơ thể người đó là bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

.....

.....

5 Tính.

a) $\frac{7}{20} + \frac{3}{5} =$ .....

b) $\frac{5}{6} + \frac{7}{12} =$ .....

c) $\frac{6}{5} - \frac{4}{15} =$ .....

d) $\frac{9}{10} - \frac{4}{5} =$ .....

6 Tính.

a) $\frac{5}{3} \times \frac{3}{2} + \frac{1}{2} =$ .....

b) $\frac{9}{2} - \frac{3}{2} : \frac{3}{8} =$ .....

7 a) Rút gọn phân số.

$\frac{12}{26} =$ .....; $\frac{15}{35} =$ .....; $\frac{24}{16} =$ .....

$\frac{55}{22} =$ .....; $\frac{12}{28} =$ .....; $\frac{18}{24} =$ .....

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong các phân số đã cho ở câu a, những phân số bằng nhau là:

.....

8 Hằng ngày, Khải thường dậy sớm và tập thể dụng bằng cách chạy bộ. Để biết mỗi ngày mình chạy bộ được bao xa, Khải đã ước lượng và ghi khoảng cách từ nhà đến một số địa điểm như bảng dưới đây:

Địa điểm	Khoảng cách
Công viên	$\frac{3}{5}$ km
Siêu thị	$\frac{2}{5}$ km
Trạm xăng	$\frac{7}{5}$ km
Bờ hồ	$\frac{12}{15}$ km

Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Khải chạy bộ từ nhà đến công viên rồi quay về nhà, Khải chạy được ..... km.

b) Khải chạy bộ từ nhà đến bờ hồ rồi quay về nhà, sau đó lại chạy từ nhà đến trạm xăng rồi quay về nhà, Khải chạy được ..... km.

c) Sáng Chủ nhật, Khải dự tính chạy bộ khoảng 4 km. Em hãy gợi ý cho Khải một đường chạy phù hợp.

.....

.....

.....

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 33

LUYỆN TẬP CHUNG. ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN. ÔN TẬP PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN

1 Tính.

a) $\frac{3}{8} + \frac{5}{2} =$ .....

b) $\frac{7}{5} - \frac{3}{20} =$ .....

c) $\frac{5}{6} \times \frac{11}{5} =$ .....

d) $\frac{5}{6} : \frac{3}{8} =$ .....

2 Tính.

a) $\frac{5}{9} + 4 =$ .....

b) $3 - \frac{1}{2} =$ .....

c) $\frac{7}{3} \times 10 =$ .....

d) $6 : \frac{3}{5} =$ .....

3 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $\frac{2}{5} +$ ..... $= \frac{7}{10}$

b) $\frac{2}{7} :$ ..... $= \frac{3}{5}$

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Một bạn học sinh làm phiếu bài tập Toán hết $\frac{1}{5}$ giờ, làm phiếu bài tập Tiếng Việt hết $\frac{3}{10}$ giờ. Hỏi bạn học sinh đó hoàn thành hai phiếu hết bao nhiêu thời gian?

A. $\frac{1}{5}$ giờ

B. $\frac{3}{10}$ giờ

C. $\frac{4}{15}$ giờ

D. $\frac{1}{2}$ giờ

5 **Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu).**

Mẫu: 24 369 = 20 000 + 4 000 + 300 + 60 + 9

5 651 08 = ...

380 731 = ...

70 043 = ...

6 a) Viết các số 7 890; 7 874, 69 573; 10 132 theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

b) Viết các số 97 540; 98 540; 10 780; 8 974 theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....

7 **Đặt tính rồi tính.**

4 574 + 2 358	96 193 – 6 824
.....	.....
.....	.....
.....	.....

8 **Tính bằng cách thuận tiện.**

a) 4 862 + 567 + 138 = ...

= .....

= .....

b) 532 + 153 + 347 + 68 = ...

= .....

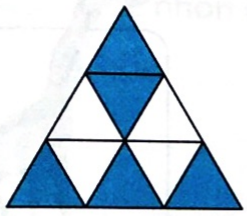
= .....

Họ và tên: ..... Lớp: .....

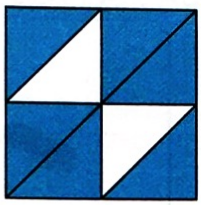
Tuần 34

ÔN TẬP PHÂN SỐ. ÔN TẬP PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ. ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

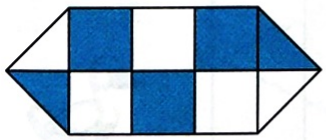
1 Viết phân số chỉ phần đã tô màu trong mỗi hình dưới đây.



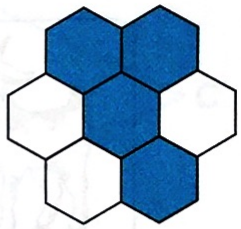
.....



.....



.....



.....

2 >, <, = ?

a) $\frac{1}{3}$ ☐ $\frac{2}{9}$ $\quad\frac{2}{3}$ ☐ $\frac{5}{6}$ $\quad\frac{12}{11}$ ☐ 1

b) $\frac{13}{10}$ ☐ $\frac{7}{5}$ $\quad\frac{5}{5}$ ☐ $\frac{8}{8}$ $\quad1$ ☐ $\frac{39}{40}$

3 Tính.

a) $\frac{2}{3}+\frac{11}{12}=$ ..... $\quad\frac{7}{6}+8=$ .....

b) $\frac{7}{8}-\frac{3}{4}=$ ..... $\quad3-\frac{13}{10}=$ .....

c) $\frac{7}{2}\times\frac{5}{4}=$ ..... $\quad\frac{7}{10}:\frac{3}{2}=$ .....

d) $\frac{5}{9}\times 6=$ ..... $\quad6:\frac{12}{7}=$ .....

4 Tính.

a) $\left(\frac{3}{5}+\frac{1}{5}\right)\times\frac{2}{3}=$ .....

b) $\frac{6}{5}\times\frac{3}{4}-\frac{6}{5}\times\frac{1}{2}=$ .....

c) $\frac{2\times3\times4\times6}{2\times5\times4\times8}=$ .....

d) $\left(\frac{7}{4}-\frac{3}{8}\right):\frac{2}{7}=$ .....

5 **Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.**

a) $\frac{2}{3}$ + ... = 3

b) $\frac{9}{4}$ – ..... = $\frac{7}{8}$

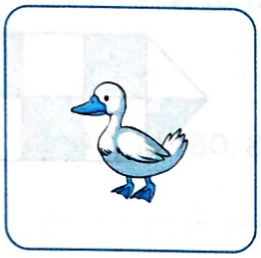
c) $\frac{2}{5}$ × ..... = $\frac{1}{8}$

d) ..... : $\frac{2}{3}$ = $\frac{5}{6}$

6 a) Viết các đơn vị đo khối lượng kg, g, tấn, tạ thích hợp vào chỗ chấm.



1 .....



2 .....



20 .....



1 .....

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

3 yến = ... kg

5 100 kg = ... tạ

2 tạ 9 kg = ... kg

7 tấn 52 kg = ... kg

7 **Viết tên các góc nhọn, góc tù, góc vuông có trong hình dưới đây (theo mẫu).**

Mẫu: Góc nhọn đỉnh A; cạnh AB, AC.

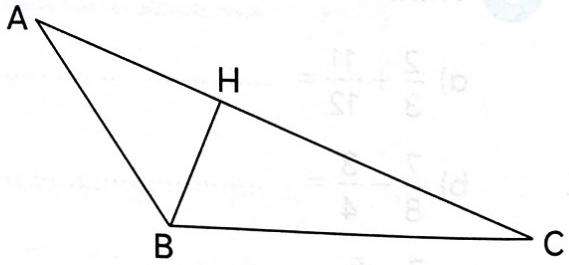
.....

.....

.....

.....

.....



8 a) Vẽ đường thẳng đi qua điểm M và song song với đường thẳng AB.

M

A B

b) Vẽ đường thẳng đi qua điểm N và vuông góc với đường thẳng CD.

N

C D

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Tuần 35

ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG. ÔN TẬP MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT. ÔN TẬP CHUNG

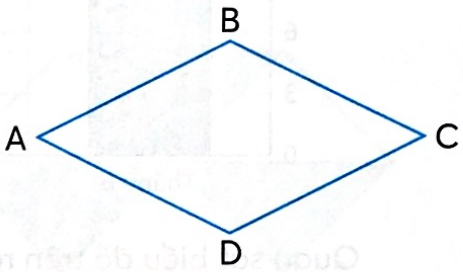
1 **Viết tên các góc nhọn, góc tù có trong hình thoi ABCD (theo mẫu).**

Mẫu: Góc nhọn đỉnh A; cạnh AB, AD

.....

.....

.....



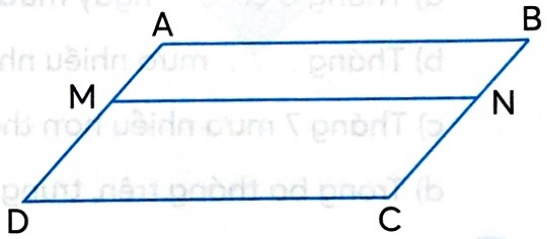
2 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

– Hình bên có các hình bình hành là: .....

.....

– Cạnh AB song song và bằng các cạnh: .....

.....



3 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

a) 15 dm^2 = ... cm^2

b) $\frac{3}{10}$ m^2 = ... dm^2

c) 3 200 dm^2 = ... m^2

d) 50 000 cm^2 = ... m^2

e) 17 m^2 5 dm^2 = ... dm^2

g) 21 m^2 50 cm^2 = ... cm^2

4 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

a) 5 tạ = ... kg

b) 7 tạ 5 kg = ... kg

c) 3 tấn = ... kg

d) 1 tấn 5 kg = ... kg

e) $\frac{1}{4}$ tạ = ... kg

g) $\frac{2}{5}$ tấn = ... kg

5 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

Bảng bên cho biết thời gian làm bài tập trên máy tính của các bạn Khải, Quang, Đức, Hà.

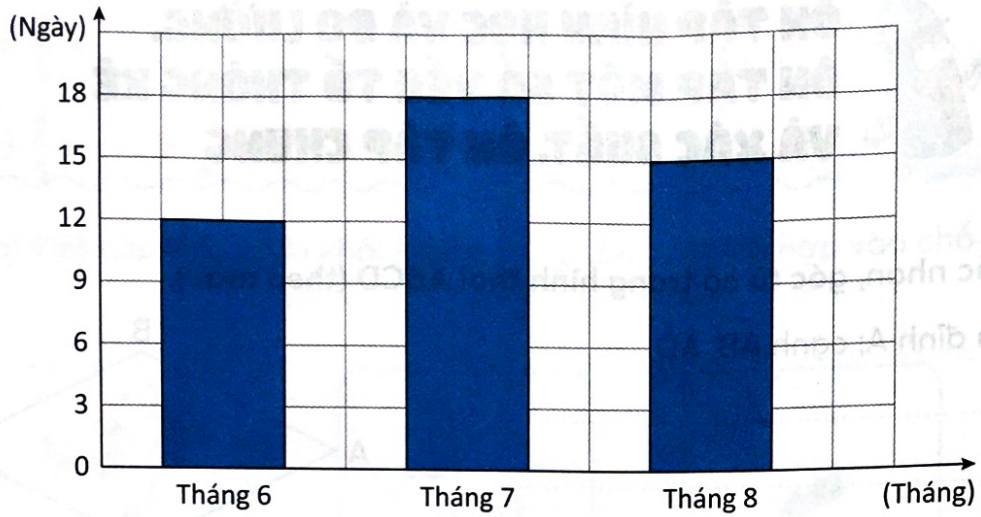
a) Thời gian làm bài của Khải là ..... phút

b) Thời gian làm bài của Đức là ..... phút

c) Bạn ..... làm bài lâu nhất.

Tên	Bắt đầu	Kết thúc
Khải	9 : 30	10 : 10
Quang	9 : 50	10 : 40
Đức	11 : 00	11 : 30
Hà	10 : 40	11 : 10

6 **Biểu đồ dưới đây nói về số ngày mưa trong ba tháng của năm 2023 ở một huyện:**



Quan sát biểu đồ trên rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Tháng 6 có ..... ngày mưa, tháng 7 có ..... ngày mưa, tháng 8 có ..... ngày mưa.

b) Tháng ..... mưa nhiều nhất, tháng ..... mưa ít nhất.

c) Tháng 7 mưa nhiều hơn tháng 6 là ..... ngày.

d) Trong ba tháng trên, trung bình mỗi tháng có ..... ngày mưa.

7 **Tính.**

a) $\frac{1}{2}+\frac{5}{4}-\frac{3}{4}=$ .....

b) $\frac{3}{5}+\frac{1}{4}\times\frac{2}{5}=$ .....

c) $\frac{7}{2}-\frac{1}{2}:\frac{1}{4}=$ .....

d) $\frac{7}{4}:\frac{1}{2}\times\frac{8}{5}=$ .....

8 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

Mẹ mang 400 000 đồng đi chợ. Mẹ mua cam hết $\frac{1}{4}$ số tiền, mua xoài hết $\frac{2}{3}$ số tiền còn lại.



a) Sau khi mua hàng mẹ còn lại ..... đồng.

b) Nếu giá bán mỗi ki-lô-gam cam là 25 000 đồng thì mẹ đã mua được ..... kg.

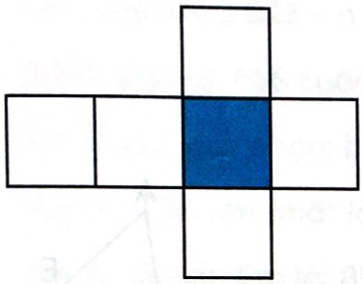
Họ và tên: ..... **Lớp:** .....



TỰ KIỂM TRA CUỐI NĂM HỌC

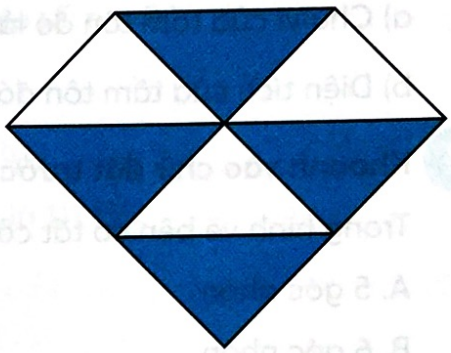
1 **Viết phân số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình dưới đây vào chỗ chấm.**

a)



.....

b)



.....

2 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Trong số 2 371 507:

a) Chữ số 2 thuộc hàng ..... lớp .....

b) Chữ số 5 thuộc hàng ..... lớp .....

3 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

a) 5 m^2 = ... dm^2

b) 25 m^2 45 dm^2 = ... dm^2

4 **Đặt tính rồi tính.**

123 × 23

.....

.....

.....

.....

.....

280 836 : 36

.....

.....

.....

.....

.....

5 **Tính.**

a) $\frac{5}{4} + \frac{7}{12} =$ ..... b) $\frac{11}{13} + \frac{21}{26} =$ .....

c) $\frac{1}{6} \times \frac{3}{2} =$ ..... d) $\frac{9}{10} : 3 =$ .....

6 **Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.**

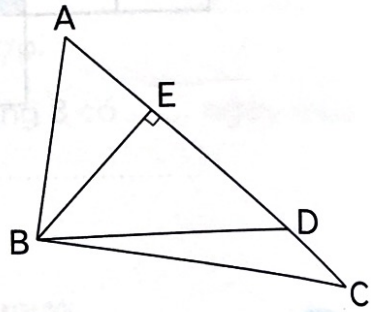
Một tấm tôn hình chữ nhật có chiều dài $\frac{3}{2}$ m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài.

a) Chu vi của tấm tôn đó là ..... m.

b) Diện tích của tấm tôn đó là ..... m^2.

7 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

Trong hình vẽ bên có tất cả bao nhiêu góc nhọn?



A. 5 góc nhọn

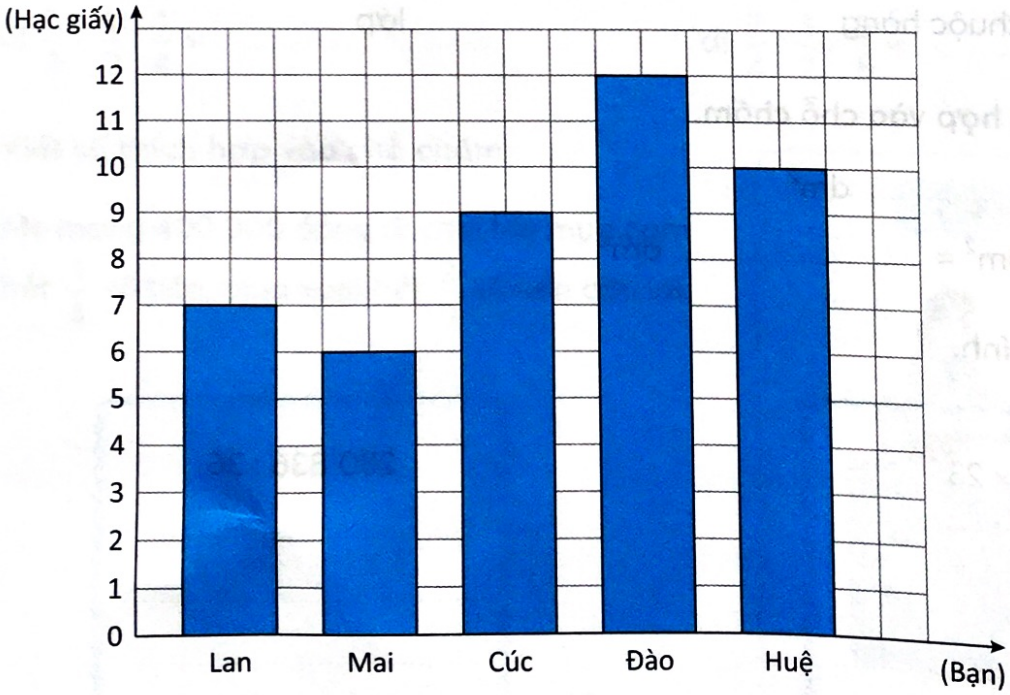
B. 6 góc nhọn

C. 7 góc nhọn

D. 8 góc nhọn

8 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.**

Biểu đồ dưới đây cho biết số con hạc giấy mỗi bạn Lan, Mai, Cúc, Đào, Huệ gấp được để trang trí lớp học.



Phân số biểu diễn số con hạc giấy của bạn gấp được ít nhất với số con hạc giấy của bạn gấp được nhiều nhất là:

A. $\frac{6}{7}$ B. $\frac{10}{12}$ C. $\frac{1}{2}$ D. $\frac{7}{12}$